



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 39/2023
Từ 02/10 - 06/10/2023

TIN NỘI BỘ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

**CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN
CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG; THÚC ĐẨY MẠNH
CÁC ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG**

Sáng ngày 30/9, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2023 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với các địa phương.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ghi nhận, biểu dương nỗ lực, kết quả của các Bộ, ngành, địa phương, đóng góp vào thành tựu chung của cả nước - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Tại phiên họp, các đại biểu tập trung thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội tháng 9, Quý III, 9 tháng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong tháng 10 và những tháng còn lại của năm 2023, tình hình phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 chương trình mục tiêu quốc gia, Báo cáo giữa nhiệm kỳ theo Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Các Bộ trưởng cũng đã phân hồi, trả lời các đề xuất, kiến nghị của các địa phương.

Các báo cáo và ý kiến tại hội nghị thống nhất đánh giá trong 9 tháng, với phương châm "Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả", Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ.

Trong đó, Chính phủ đã tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, với 08 Phiên họp xây dựng pháp luật và 09 Hội nghị trực tuyến, phiên họp Chính phủ thường kỳ.

Trong tháng 9, Chính phủ đã ban hành 06 nghị định, 13 nghị quyết; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 quyết định quy phạm và 08 công điện. Tính chung 9 tháng, Chính phủ đã ban hành 67 nghị định, 175 nghị quyết, Thủ tướng Chính phủ ban hành 25 quyết định quy phạm, nhiều quyết định cá biệt và 24 chỉ thị. Đã trình Quốc hội thông qua 09 luật, 02 nghị quyết và cho ý kiến 09 dự án luật; dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua 07 luật, cho ý kiến 06 luật tại kỳ họp thứ 6.

Cùng với đó, ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, xác định rõ đây là trọng tâm ưu tiên trong chỉ đạo điều hành.

Tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo việc làm, sinh kế cho người dân, với 26 Tổ công tác của thành viên Chính phủ trực tiếp làm việc với địa phương và 05 Tổ công tác đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý kịp thời, hiệu quả một khối lượng lớn các nhiệm vụ, công việc thường xuyên ngày càng nhiều, đòi hỏi ngày càng cao; từng bước giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng kéo dài (các doanh nghiệp, dự án thua lỗ, ngân hàng yếu kém) và xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh (như thiên tai, các vụ tai nạn giao thông, cháy nổ đặc biệt nghiêm trọng, các vấn đề quốc phòng, an ninh, đối ngoại...).

Cùng với đó, triển khai thiết thực, hiệu quả nhiều hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế quan trọng, ký kết, phê duyệt các điều ước quốc tế.

Phiên họp thống nhất đánh giá, nhìn chung, tình hình kinh tế-xã hội tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, tháng sau tốt hơn tháng trước, quý sau cao hơn quý trước và đạt kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực, với một số kết quả nổi bật.

Đã tiết kiệm được 500.000 tỷ đồng để cải cách tiền lương

Theo thông tin tại phiên họp, những năm qua, trong bối cảnh vừa phải phòng, chống và khắc phục hậu quả dịch bệnh COVID-19, vừa phải bảo đảm an sinh xã hội, chúng ta vẫn tiết kiệm được 500.000 tỷ đồng để chuẩn bị cải cách tiền lương trong các năm 2024, 2025 và 2026 theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Trung ương khóa XII.

Đánh giá đây là nỗ lực rất lớn, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nội vụ rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách thực hiện phương án cải cách tiền lương khi được Trung ương thông qua.

Thứ nhất, kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng được thúc đẩy; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia, bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát theo Nghị quyết của Quốc hội.

Lạm phát nhìn chung có xu hướng giảm dần trong bối cảnh lạm phát thế giới neo ở mức cao: CPI bình quân 9 tháng tăng 3,16%, thấp hơn nhiều mục tiêu đề ra (khoảng 4,5%). Tăng trưởng phục hồi tích cực, quý sau cao hơn quý trước: GDP Quý I tăng 3,28%, Quý II tăng 4,05%, Quý III tăng 5,33%; tính chung 9 tháng tăng 4,24%, thuộc nhóm nước tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới.

Trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 3,43%; công nghiệp và xây dựng tăng 2,41%; khu vực dịch vụ tăng 6,32%. Đặc biệt, nhiều địa phương phục hồi, tăng trưởng khá cao, như TP.

Hồ Chí Minh Quý III tăng 6,71%, tính chung 9 tháng tăng 4,57%; Hà Nội là 6,49% và 6,08%; Bình Dương là 7,51% và 4,49%; Đồng Nai là 6,4% và 5,03%; Hải Phòng là 10,48% và 10,08%; Quảng Ninh là 10,64% và 9,88%.

Thị trường tiền tệ, tỷ giá cơ bản ổn định; mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay mới bình quân giảm khoảng 1% so với cuối năm 2022. Thu ngân sách nhà nước 9 tháng đạt 75,5% dự toán năm, trong khi miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất 152,5 nghìn tỷ đồng và dự kiến cả năm sẽ đạt dự toán thu.

Xuất nhập khẩu tiếp tục xu hướng tích cực, xuất khẩu tháng 9 tăng 4,6%, nhập khẩu tăng 2,6% so với cùng kỳ; tính chung 9 tháng xuất siêu 21,68 tỷ USD (cùng kỳ là 6,9 tỷ USD). An ninh năng lượng (điện, xăng, dầu), an ninh lương thực được bảo đảm. Thị trường lao động phục hồi tốt, cơ bản bảo đảm cân đối cung cầu lao động (lực lượng lao động tăng 760.000 người so với cùng kỳ).

Thứ hai, các ngành, lĩnh vực chủ yếu phục hồi, phát triển ổn định, đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp tiếp tục tăng trở lại, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp Quý III tăng 4,57% (Quý II tăng 0,95%, Quý I giảm 0,75%), trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,61%.

Khu vực dịch vụ duy trì mức tăng khá cao: tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 tăng 2,4% so với tháng 8 và 7,5% so với cùng kỳ; tính chung 9 tháng tăng 9,7%. Khách quốc tế đạt 8,9 triệu lượt, gấp 4,6 lần cùng kỳ (vượt kế hoạch năm 2023).

Nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò là bộ đỡ của nền kinh tế; lúa gạo được mùa được giá; đàn lợn tăng 4,2%; sản lượng gỗ tăng 3,3%; sản lượng thủy sản tăng 2,1% so với cùng kỳ.

Thứ ba, đầu tư được thúc đẩy mạnh mẽ, trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội Quý I tăng 3,6%; Quý II tăng 5,6%; Quý III tăng 7,6%; tính chung 9 tháng tăng 5,9%.

Vốn đầu tư của khu vực Nhà nước Quý I tăng 11,5%; Quý II tăng 13,5%; Quý III tăng 18,7%; tính chung 9 tháng tăng 15,1%. Đặc biệt, giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng đạt trên 363.000 tỷ đồng, bằng 51,38% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ (46,7%) và số tuyệt đối cao hơn khoảng 110.000 tỷ đồng.

Tổng vốn FDI đăng ký 9 tháng đạt 20,21 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ. Vốn FDI thực hiện đạt 15,91 tỷ USD, tăng 2,2%.

Thứ tư, công tác quy hoạch được đẩy mạnh; hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông được tập trung đầu tư. Đã trình Quốc hội thông qua Quy hoạch tổng thể quốc gia; ban hành Quy hoạch điện VIII và nhiều quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng, tỉnh.

Đến nay đã có 74 quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã thẩm định xong (27 quy hoạch đã được phê duyệt). Quyết liệt triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển 6 vùng kinh tế - xã hội; thành lập và chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động, phát huy vai trò của 6 Hội đồng điều phối vùng.

Đã đưa vào sử dụng 8/11 đoạn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 1; khởi công 12 dự án cao tốc Bắc-Nam phía đông giai đoạn 2021 - 2025, 03 cao tốc trục Đông - Tây, Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, Vành đai 4 Hà Nội, nhà ga Cảng hàng không quốc tế Long

Thành, nhà ga T3 Tân Sơn Nhất... Dự kiến đến cuối năm đưa vào khai thác 1.832km đường cao tốc (so với 1.000km vào đầu nhiệm kỳ).

Thu nhập bình quân người lao động tăng

Thứ năm, phát triển doanh nghiệp tiếp tục xu hướng tích cực. Trong tháng 9 có gần 12,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 10,6% so với cùng kỳ; có trên 5,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 13,5%.

Thứ sáu, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế được chú trọng; an sinh xã hội và đời sống người dân tiếp tục được cải thiện.

Thu nhập bình quân người lao động Quý III tăng 146.000 đồng so với Quý II; tính chung 9 tháng tăng 451.000 đồng so với cùng kỳ. Tỷ lệ hộ dân có thu nhập không thay đổi và tăng lên so với cùng kỳ là 94,1% (cùng kỳ năm 2022 là 83,2%).

Trong tháng 9, đã xuất cấp 3,3 nghìn tấn gạo hỗ trợ cứu đói, giáp hạt; tính chung 9 tháng xuất cấp gần 21,5 nghìn tấn.

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật kỷ niệm các ngày lễ lớn; quan tâm công tác giáo dục; tháo gỡ vướng mắc trong mua sắm thuốc, vật tư y tế và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả nổi bật.

Thứ bảy, công tác cải cách thủ tục hành chính; sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế được đẩy mạnh; tích cực triển khai Đề án 06. Đã cắt giảm, đơn giản hóa 2.189 quy định kinh doanh; 68,8% thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương; rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, triển khai Đề án 06...

Cùng với đó, tình hình chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được tăng cường, góp phần củng cố niềm tin trong Nhân dân.

Công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, nhất là đối ngoại cấp cao, ngoại giao kinh tế; uy tín và vị thế quốc tế của Việt Nam tiếp tục được củng cố, nâng lên. Thông tin truyền thông được chú trọng, nhất là truyền thông chính sách.

Các tổ chức quốc tế tiếp tục đánh giá tích cực về Việt Nam. Đặc biệt, về Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2023, Việt Nam xếp hạng 46/132, tăng 2 bậc so với năm 2022; xếp hạng môi trường kinh doanh tăng 12 bậc; xếp hạng giá trị thương hiệu quốc gia tăng 01 bậc, xếp thứ 32/100 với trị giá 431 tỷ USD, có mức tăng trưởng nhanh nhất thế giới tính từ năm 2019 đến nay (74%).

Cần tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng

Phát biểu kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cơ bản thống nhất với các báo cáo và ý kiến tại phiên họp, ghi nhận, biểu dương nỗ lực, kết quả của các Bộ, ngành, địa phương, đóng góp vào thành tựu chung của cả nước.

Bên cạnh những thành tựu, kết quả rất cơ bản đạt được, Thủ tướng Chính phủ dành thời gian phân tích về những tồn tại, hạn chế, khó khăn, thách thức nổi lên, nguyên nhân của kết quả đạt được, của hạn chế, yếu kém và các bài học kinh nghiệm.

Theo đó, tốc độ tăng trưởng GDP chưa được như mong muốn. Lạm phát còn chịu nhiều sức ép. Các động lực tăng trưởng gặp khó khăn, như công nghiệp phục hồi chậm, giá trị tăng thêm 9 tháng chỉ tăng 1,65%.

Tình hình lao động, việc làm gặp nhiều thách thức. Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc, biên giới, hải đảo. Dịch bệnh, biến đổi khí hậu, bão lũ, nắng nóng El Nino, hạn hán, sạt lở đất... diễn biến phức tạp.

Tình hình an ninh trật tự ở một số địa bàn, lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ, nhất là tội phạm mạng, ma túy, bán hàng đa cấp, tín dụng đen; diện tích rừng bị chặt phá, bị cháy tăng mạnh...

Lưu ý một số bài học kinh nghiệm, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, cần nắm chắc tình hình, phản ứng chính sách nhanh, kịp thời theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao; nâng cao hiệu lực, hiệu quả phối hợp công tác giữa các cấp, các ngành, các địa phương. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và kiểm tra, giám sát thực hiện.

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ các chính sách, giải pháp điều hành. Chú trọng bảo đảm sự cân bằng hài hòa, hợp lý giữa: Tỷ giá và lãi suất; tăng trưởng và lạm phát; cung và cầu; chính sách tiền tệ và tài khóa; tình hình bên trong và bên ngoài.

Bảo vệ, phát huy tinh thần dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; loại bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại và xử lý nghiêm trường hợp né tránh sợ trách nhiệm, không dám làm.

Các ý kiến tại cuộc họp cũng thống nhất đánh giá tình hình sẽ còn tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức. Bên cạnh đó, chúng ta có những thuận lợi như nền tảng vĩ mô tương đối tốt và chiều hướng phục hồi của nền kinh tế, quan hệ quốc tế thuận lợi, niềm tin thị trường, niềm tin của nhà đầu tư ngày càng được củng cố và tăng cường.

Với yêu cầu tiếp tục kiên định mục tiêu tổng quát đã đề ra, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh cần bám sát thực tiễn, nắm chắc tình hình, tăng cường năng lực phân tích, dự báo để phản ứng chính sách chủ động, tích cực, kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, chuẩn bị kỹ các phương án, kịch bản, giải pháp ứng phó với các tình huống có thể xảy ra; dứt khoát không trông chờ, ỷ lại, đùn đẩy, né tránh, "không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm".

Đẩy mạnh hơn nữa phát triển hạ tầng chiến lược, nhất là hạ tầng giao thông, ứng phó biến đổi khí hậu, hạ tầng số, chuyển đổi xanh, hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa). Tích cực tháo gỡ khó khăn về pháp lý cho người dân và doanh nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu mới, các ngành mới nổi. Tiếp tục phân cấp, phân quyền, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, trong bối cảnh hiện nay, cần tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng và cụ thể là công nghiệp chế biến, chế tạo.

Tiếp tục cụ thể hóa các Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính

phủ, trong đó tập trung đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; thúc đẩy mạnh mẽ các ngành mới nổi, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ...; đẩy nhanh đô thị hoá, xây dựng đô thị thông minh gắn với phát triển 6 vùng kinh tế - xã hội, tăng cường liên kết vùng... qua đó tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng phát triển nhanh và bền vững trong dài hạn.

Trên cơ sở kết quả 9 tháng, dự báo bối cảnh, tình hình thế giới, trong nước thời gian tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cập nhật các kịch bản tăng trưởng Quý IV và cả năm 2023.

Kịch bản 1: Tăng trưởng kinh tế cả năm khoảng 5,0%, Quý IV cần tăng 7,0% (quý IV năm 2022 tăng 5,92%).

Kịch bản 2: Tăng trưởng kinh tế cả năm khoảng 5,5%, Quý IV cần tăng 8,8%.

Kịch bản 3: Tăng trưởng kinh tế cả năm khoảng 6%, Quý IV cần tăng 10,6%.

Về nội dung này, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu lựa chọn kịch bản tăng trưởng GDP cả năm khoảng 6% để tiếp tục phấn đấu đạt kết quả cao nhất có thể cho năm 2023.

8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh 08 nội dung trọng tâm:

Thứ nhất, điều hành chủ động, linh hoạt, phối hợp đồng bộ, hài hoà giữa các chính sách, nhất là các chính sách tài khoá, tiền tệ.

Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hài hoà với chính sách tài khoá mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác để ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô.

Đặc biệt chú trọng công tác điều phối kinh tế vĩ mô giữa các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương và Ngân hàng Nhà nước.

Thứ hai, để thúc đẩy mạnh mẽ 3 động lực tăng trưởng, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu thúc đẩy đầu tư công, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài và tăng cường hợp tác công tư (PPP), thu hút FDI có chọn lọc, nhất là những ngành mới nổi, công nghệ cao...

Trong đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tập trung cho hạ tầng, đào tạo nhân lực và cải cách thủ tục hành chính để chuẩn bị đón các dự án FDI mới.

Về xuất khẩu, cần giữ vững, củng cố các thị trường truyền thống và tích cực mở rộng các thị trường mới (Trung Đông, Châu Phi, Mỹ Latin); nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn mới; tận dụng cơ hội các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết; đẩy mạnh đàm phán, ký kết các hiệp định, cam kết, liên kết thương mại mới.

Về tiêu dùng, phát triển mạnh thị trường trong nước hơn 100 triệu dân; đẩy mạnh cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; tổ chức rộng khắp các chương trình khuyến mại, kích cầu tiêu dùng trên cả nước; thúc đẩy thương mại điện tử; bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, nhất là hàng thiết yếu trong dịp lễ tết, cuối năm; tăng cường phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại...

Thứ ba, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện quyết liệt Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung vốn, đẩy nhanh tiến

độ các công trình hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng; kiên quyết không để tình trạng dàn trải, kém hiệu quả.

Xác định rõ đây là một động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn; đồng thời góp phần tạo ra hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại để tăng năng lực của nền kinh tế, thu hút đầu tư tư nhân, FDI cho phát triển bền vững.

Thứ tư, tập trung phát triển mạnh các ngành, lĩnh vực chủ yếu. Trong đó, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến chế tạo để trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

Thúc đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, các mặt hàng thiết yếu đáp ứng nhu cầu cuối năm, các dịp lễ tết; tận dụng tốt cơ hội xuất khẩu nông sản, đồng thời bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) để gỡ thẻ vàng của EU.

Về dịch vụ, du lịch, phát triển mạnh các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, ứng dụng công nghệ cao (vận tải, logistics, giáo dục, y tế, ngân hàng...); đẩy mạnh thu hút du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh xúc tiến du lịch các thị trường trọng điểm.

Thứ năm, chú trọng tận dụng thời cơ, phát triển các ngành, lĩnh vực mới nổi, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, nhất là chuyển đổi số (như sản xuất chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng sạch, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ...); không để bỏ lỡ cơ hội thu hút đầu tư từ việc nâng cấp quan hệ và các hiệp định thương mại, đầu tư với các đối tác.

Thứ sáu, thúc đẩy mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh với việc phát huy vai trò 26 tổ công tác của Chính phủ. Đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa, bảo đảm thực chất, hiệu quả trên cơ sở lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Thứ bảy, chú trọng phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, nhất là các chính sách người có công, bảo trợ xã hội, y tế, giáo dục đào tạo, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống nhân dân. Tăng cường dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu, chủ động các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả.

Thứ tám, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Đặc biệt, chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy. Triển khai hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm xuất khẩu chủ lực. Tăng cường thông tin, truyền thông, nhất là truyền thông chính sách; đấu tranh, phản bác kịp thời, hiệu quả các thông tin xấu, độc, các quan điểm sai trái, thù địch; xử lý nghiêm các vi phạm.

Thủ tướng Chính phủ cũng giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, cơ quan, địa phương. Trong đó, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa giải ngân vốn đầu tư công, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 chương trình mục tiêu quốc gia; chú trọng giải phóng mặt bằng, chuẩn bị nguyên, vật liệu san lấp, phục vụ xây dựng các dự án cao tốc qua địa bàn.

Quyết liệt tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tăng khả năng hấp thụ vốn; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, chuyển đổi số quốc gia; thực hiện quyết liệt Đề án 06. Giải quyết ngay các vướng mắc, nhất là về cơ chế, chính sách, thủ tục pháp lý, mặt bằng... để đẩy nhanh triển khai dự án đầu tư.

Khẩn trương hoàn thành lập, thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch. Chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, đời sống người dân, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu các Bộ, cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp cần tập trung rà soát, chuẩn bị kỹ nội dung, hoàn thiện các báo cáo, tờ trình Hội nghị Trung ương và Kỳ họp Quốc hội sắp tới, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục nỗ lực hơn nữa để hoàn thành đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024 và tiến tới hoàn thành mục tiêu Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra cho cả nhiệm kỳ.

Nguồn: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

TRÌNH QUỐC HỘI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW TỪ NGÀY 01/7/2024

Thực hiện ý kiến của Bộ Chính trị và Quốc hội, Chính phủ sẽ trình Trung ương, Quốc hội việc thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW kể từ ngày 01/7/2024.

Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ xây dựng 6 nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới

Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà vừa ký báo cáo của Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội về công tác quản lý cán bộ, công chức.

Báo cáo cho thấy, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý cán bộ, công chức; trên cơ sở quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác cán bộ: "Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu "then chốt" của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững", trong quá trình xây dựng hoàn thiện thể chế, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, Chính phủ luôn xác định công tác quản lý cán bộ, công chức là một trong những nội dung trọng tâm, quan trọng cần được chỉ đạo xuyên suốt và thống nhất thực hiện trong cả hệ thống chính trị.

Một trong những nội dung báo cáo đề cập đến là vấn đề cải cách chính sách tiền lương. Đây cũng là nội dung được Trung ương bàn thảo tại Hội nghị lần thứ 8 khóa XIII.

Theo Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà, việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức được thực hiện thường xuyên, đúng thẩm quyền theo phân cấp hiện hành, bảo đảm đúng quy định của Nhà nước. Chế độ thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức được thực hiện đúng theo quy định.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 107/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Theo đó, Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan xây dựng 6 nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới theo chức vụ, chức danh, vị trí việc làm, gắn với lộ trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các giải pháp tài chính tạo nguồn cho cải cách tiền lương.

Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay, do tác động bất lợi của nhiều yếu tố, đặc biệt là đại dịch COVID-19 làm cho nền kinh tế và ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn nên tại Hội nghị Trung ương 13 khóa XII (tháng 10/2020) và Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII (tháng 10/2021) đã xem xét, quyết định lùi thời điểm thực hiện chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Trình Trung ương, Quốc hội việc thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương mới

Thực hiện Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2023/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Theo đó, từ ngày 01/7/2023 điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng (tăng 20,8%) để giảm bớt khó khăn cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; đồng thời, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công theo mức lương cơ sở cho phù hợp.

Đánh giá kết quả đạt được trong công tác quản lý cán bộ, công chức, báo cáo Chính phủ cho biết, thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, trên cơ sở quán triệt yêu cầu: "Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, coi đây là giải pháp căn bản mang tính tiên đề để thực hiện cải cách tiền lương", Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức để làm căn cứ xác định vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức.

Việc xây dựng danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm cán bộ, công chức giai đoạn từ năm 2019 đến nay đã có sự thay đổi về cách tiếp cận cả lý luận và thực tiễn về vị trí việc làm. Việc triển khai vị trí việc làm trong hệ thống chính trị làm cơ sở cho việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức theo vị trí việc làm và xác định biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và tiến tới trả lương theo vị trí việc làm theo chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Tuy nhiên, báo cáo cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý cán bộ, công chức, trong đó có nguyên nhân chủ quan là tiền lương và thu nhập của cán bộ, công chức còn

thấp, chưa thực sự tạo động lực, khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức tâm huyết, toàn tâm, toàn ý, cống hiến trong quá trình thực thi công vụ.

"Thực hiện ý kiến của Bộ Chính trị và Quốc hội, Chính phủ sẽ trình Trung ương, Quốc hội việc thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW kể từ ngày 01/7/2024", Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết.

Cũng theo người đứng đầu ngành Nội vụ, thời gian tới, cần tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, thực hiện cải cách chính sách tiền lương, tiền lương và phúc lợi cho cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Nguồn: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG BỘ, HIỆU QUẢ, HIỆN ĐẠI VÀ HỘI NHẬP

Ngày 05/10/2023, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg về phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập.

Theo đó, thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 và Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 và đến năm 2030.

Đến nay, thị trường khoa học và công nghệ dần hình thành, phát triển và đạt được một số kết quả đáng ghi nhận: Thể chế, chính sách phát triển thị trường khoa học và công nghệ từng bước được hoàn thiện; nguồn cung hàng hóa khoa học và công nghệ ngày càng tăng, kết quả nghiên cứu dần trở thành hàng hóa được các doanh nghiệp đón nhận; nhu cầu, năng lực tiếp nhận, hấp thụ và làm chủ công nghệ của các doanh nghiệp ngày càng được cải thiện; các tổ chức trung gian từng bước được hình thành và phát triển, công tác xúc tiến, quảng bá sản phẩm khoa học và công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh.

Tuy nhiên, về tổng thể, thị trường khoa học và công nghệ nước ta còn tồn tại một số rào cản, vướng mắc, "điểm nghẽn" cần được sớm tháo gỡ, khắc phục, cụ thể là: Hệ thống chính sách, pháp luật về chuyển giao công nghệ, sản giao dịch công nghệ còn chưa đồng bộ, thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo động lực cho thương mại hóa, đẩy mạnh cung - cầu công nghệ; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành chưa tốt; còn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn cung công nghệ từ nước ngoài.

Bên cạnh đó, nhiều kết quả nghiên cứu chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường; hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu còn trầm lắng; doanh nghiệp khó tiếp cận với nguồn cung công nghệ có chất lượng; năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp còn yếu; các

tổ chức trung gian chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, năng lực cung cấp các dịch vụ tư vấn, môi giới, xúc tiến, chuyển giao công nghệ còn yếu; thiếu các tổ chức trung gian có vai trò đầu mối với quy mô cấp vùng, quốc gia và kết nối với thị trường quốc tế.

Tháo gỡ các rào cản, hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về thị trường khoa học và công nghệ

Nhằm khắc phục các tồn tại, bất cập nêu trên để tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới, rà soát tổng thể và đề xuất các giải pháp phù hợp, phương án điều chỉnh, bổ sung, tháo gỡ các rào cản, hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về thị trường khoa học và công nghệ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trong đó, rà soát, đề xuất, ban hành các quy định pháp luật về góp vốn, thoái vốn khi tổ chức, cá nhân góp vốn bằng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ, tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoàn thành trong năm 2024.

Chủ trì xây dựng, triển khai các chính sách cụ thể để thu hút chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia người nước ngoài tham gia vào hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ tại Việt Nam; hoàn thành trong giai đoạn 2024 - 2025.

Chủ trì xây dựng báo cáo hằng năm về thị trường khoa học và công nghệ. Xây dựng, ban hành các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá hoạt động của thị trường khoa học và công nghệ và hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương áp dụng.

Chủ trì nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp lý về sản phẩm giao dịch công nghệ để bảo đảm thị trường khoa học và công nghệ hoạt động công khai, minh bạch, lành mạnh và bền vững.

Phối hợp, hỗ trợ các địa phương hình thành và phát triển 03 sản phẩm giao dịch công nghệ trọng điểm tại TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và một số sản phẩm giao dịch khoa học và công nghệ cấp địa phương. Hỗ trợ hình thành mạng lưới các tổ chức trung gian trong nước và kết nối với mạng lưới các tổ chức trung gian khu vực và quốc tế.

Xây dựng, đưa vào sử dụng trong năm 2024 cổng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường khoa học và công nghệ nhằm cung cấp thông tin công nghệ, máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu ứng dụng, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

Nghiên cứu, đề xuất thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất, kinh doanh, báo cáo cấp có thẩm quyền trong năm 2024.

Nghiên cứu, đề xuất phương án thúc đẩy doanh nghiệp thành lập và sử dụng hiệu quả quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong hoạt động tái đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp.

Làm rõ các quy định về việc quản lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát và đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công để làm rõ các quy định về việc quản lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, phù hợp với thông lệ quốc tế và tính đặc thù của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoàn thành trong năm 2023.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan liên quan tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách liên quan đến tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng phục vụ ngành hàng xuất khẩu chủ lực và công nghệ tiên tiến có khả năng tạo giá trị gia tăng cao.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát và đề xuất giải pháp phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho viên chức tham gia, quản lý, điều hành doanh nghiệp khởi nguồn trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các viện nghiên cứu, trường đại học (spin-off); hoàn thành trong năm 2024.

Các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, theo chức năng, thẩm quyền được phân công, chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ hoặc lồng ghép kế hoạch phát triển thị trường khoa học và công nghệ vào kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo nhu cầu/đơn đặt hàng của doanh nghiệp

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công, chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, chính sách mới nhằm thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo nhu cầu/đơn đặt hàng của doanh nghiệp để tăng cung, kích cầu hàng hóa khoa học và công nghệ; thúc đẩy thương mại hóa, đưa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh. Chủ động tổ chức, tham gia các sự kiện xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, điểm kết nối cung - cầu công nghệ; tham gia và trở thành thành viên của các hiệp hội tư vấn xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ của khu vực và quốc tế.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các viện, trường trực thuộc đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, đổi mới công nghệ theo nhu cầu/đơn đặt hàng của doanh nghiệp và thúc đẩy thương mại hóa, đưa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh.

Quý IV năm 2024, vận hành sàn giao dịch công nghệ tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì xây dựng, phê duyệt và bố trí kinh phí triển khai các chương trình, đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ tại địa phương.

Tổ chức quản lý, triển khai hiệu quả các chương trình, đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ tại địa phương; tập trung ưu tiên các hoạt động xúc tiến thị trường, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, thương mại hoá kết quả nghiên cứu, phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm công nghiệp địa phương, sản phẩm OCOP.

Nghiên cứu đẩy nhanh việc hình thành và đưa vào vận hành các sàn giao dịch công nghệ. TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh khẩn trương đưa vào vận hành sàn giao dịch công nghệ trong Quý IV năm 2024, TP. Đà Nẵng tập trung thực hiện tốt công tác chuẩn bị để đưa vào vận hành sàn giao dịch công nghệ trong Quý IV năm 2025 bảo đảm kết nối hiệu quả với các sàn giao dịch công nghệ, trung tâm tư vấn, môi giới và xúc tiến chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, khu vực và quốc tế.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí trung ương, địa phương chủ động phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh công tác truyền thông về thị trường khoa học và công nghệ, hoạt động sàn giao dịch công nghệ và các sự kiện xúc tiến, kết nối chuyển giao công nghệ.

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các hiệp hội nghề nghiệp đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động doanh nghiệp ứng dụng đổi mới công nghệ, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa. Kịp thời triển khai các hoạt động tôn vinh, khen thưởng, động viên các cá nhân, doanh nghiệp tiêu biểu trong hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Nguồn: baohinhphu.vn

NGÀNH GIÁO DỤC: THỰC HIỆN TRỰC TUYẾN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THIẾT YẾU

Bộ Giáo dục và Đào tạo là một trong những cơ quan hoàn thành sớm nhất việc kết nối, đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, từ năm 2022; trong đó, đã đồng bộ, xác thực định danh hơn 24 triệu hồ sơ học sinh, giáo viên (đạt gần 98%). Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được nhận giải thưởng 'Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc' - Vietnam Digital Award năm 2022.

Nhân Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10), Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin (Bộ Giáo dục và Đào tạo) Nguyễn Sơn Hải chia sẻ thông tin về công tác chuyển đổi số ngành Giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục. Trong đó, cơ sở dữ liệu về mầm non, phổ thông đã thu thập thông tin của 100% trường

học (gần 53.000 trường học) trên cả nước, với 1,6 triệu hồ sơ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; 24 triệu hồ sơ, kết quả học tập của học sinh, thể chất; kết nối với hơn 17.083 trường học. Với cơ sở dữ liệu này, ngành Giáo dục quản lý được quy mô trường lớp, vấn đề thừa thiếu giáo viên; quản lý sức khỏe học sinh; tiêm vaccine phòng COVID-19...

Bên cạnh đó, Bộ triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học (HEMIS), thu thập, số hóa dữ liệu của 442 cơ sở đào tạo, hơn 152.000 giảng viên và hơn 2,1 triệu người học... cùng dữ liệu về nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, tài chính, hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác quốc tế. Ngành Giáo dục đã thực hiện nghiêm, kịp thời chủ trương không dùng sổ hộ khẩu, không dùng giấy chứng nhận thường trú trong thủ tục hành chính. Năm 2023, ngành đã không sử dụng giấy chứng nhận thường trú mà khai thác hoàn toàn trực tuyến trên môi trường số cho hàng triệu thí sinh tham gia các kỳ tuyển sinh đầu cấp và đại học.

Trong công tác tổ chức thi tốt nghiệp và tuyển sinh đại học, các thủ tục hành chính thiết yếu đã được thực hiện bằng hình thức trực tuyến. Thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (đạt 93% mỗi năm). Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học trực tuyến (với hơn 600.000 thí sinh - 3 triệu nguyện vọng được đăng ký trực tuyến mỗi năm). Việc thanh toán lệ phí xét tuyển đại học trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 97%. Thí sinh xác nhận nhập học đại học trực tuyến trên Cổng tuyển sinh đạt 81%.

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang thí điểm triển khai học bạ điện tử, sổ điểm điện tử. Đây là giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành; đẩy mạnh cải cách hành chính trong ngành (hạn chế sử dụng giấy tờ, cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính).

Việc sử dụng học bạ điện tử, sổ điểm điện tử đảm bảo thuận tiện trong lưu trữ, quản lý và sử dụng học bạ ở các nhà trường; giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách cho giáo viên, nhà trường, đồng thời minh bạch hóa quá trình quản lý kết quả học tập, rèn luyện học sinh; hạn chế các bất cập về sửa kết quả học tập.

Nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong đào tạo đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang cùng các trường đại học xây dựng nền tảng đào tạo trực tuyến mở, dùng chung (MOET-MOOC). Trong đó, 7 nhóm ngành đào tạo sẽ do 7 cơ sở đào tạo chủ trì, phối hợp với các trường liên quan tham gia xây dựng và sử dụng chung trên hệ thống. Các cơ sở đào tạo có thể công nhận tín chỉ lẫn nhau của nhiều khóa học trực tuyến trên hệ thống (sinh viên của trường này có thể học khóa học của trường khác nếu được công nhận tín chỉ). Cùng với đó, Bộ đang xây dựng và chuẩn bị trình Thủ tướng phê duyệt Đề án Thí điểm mô hình giáo dục đại học số.

Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin Nguyễn Sơn Hải chỉ ra một số khó khăn, thách thức trong quá trình chuyển đổi số cần tiếp tục được quan tâm hơn nữa trong thời gian tới. Theo đó, việc nhận thức đúng về vị trí, vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trang bị kiến thức, kỹ năng số chưa đến được với tất cả cán bộ quản lý giáo dục, người dạy, người học. Tài nguyên số dùng chung chưa hoàn thiện, chất lượng nhiều tài nguyên số chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị ở các nhà trường, trang

thiết bị cho giáo viên, học sinh, đặc biệt ở khu vực miền núi, nơi có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống còn nhiều khó khăn.

Cơ sở dữ liệu bước đầu đưa vào khai thác có hiệu quả, tuy nhiên phạm vi dữ liệu số hóa còn hạn chế; chưa triển khai các công cụ, công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả thu thập, phân tích dữ liệu, xây dựng báo cáo, dự báo... phục vụ hiệu quả quản lý giáo dục; thách thức trong quản lý, sở hữu, khai thác dữ liệu, thông tin cá nhân. Nguồn lực đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục còn hạn hẹp, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Việc huy động các nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực này chưa thực sự hiệu quả.

Nguồn: baotintuc.vn/ttxvn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Công an đề xuất phân cấp giải quyết thủ tục xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh về Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện.**

Đề xuất trên được Bộ Công an đưa ra tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành và Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng cổng kiểm soát tự động.

Theo đó, Bộ Công an đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 7 và Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 77/2020/NĐ-CP để phân cấp giải quyết thủ tục xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh về Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện.

Đồng thời, bổ sung hình thức thực hiện thủ tục xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam trên môi trường điện tử.

Phân cấp về Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện

Theo dự thảo, trường hợp công dân Việt Nam được đề nghị cung cấp hoặc xác nhận thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của bản thân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh để phục vụ yêu cầu bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân:

Công dân gửi đơn đề nghị theo mẫu đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thuận lợi hoặc Công an huyện, thị xã, thành phố nơi thường trú, tạm trú hoặc trên môi trường điện tử tại cổng dịch vụ công quốc gia hoặc cổng dịch vụ công Bộ Công an.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trả lời bằng văn bản cho người đề

ngợi. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Công an huyện, thị xã, thành phố trả lời bằng văn bản cho người đề nghị.

Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan xây dựng, quản lý, vận hành, thu thập, cập nhật, khai thác, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn thực hiện các quy định về xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam trên môi trường điện tử.

*** Bộ Công an đang dự thảo Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.**

Bộ Công an cho biết, ngày 13/11/2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Điều 86, Điều 87 và Điều 88 với một số nội dung thay đổi so với Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Theo Bộ Công an, để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời, để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và thực hiện nghiêm túc Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, thì việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là cần thiết.

Bộ Công an đã dự thảo Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gồm 05 Chương và 44 Điều. Bên cạnh những quy định chung, dự thảo đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế (quy định về đối tượng bị áp dụng trong từng biện pháp cưỡng chế, xác minh thông tin về tiền, tiền lương, thu nhập, tài khoản, tài sản; quyết định cưỡng chế, tỷ lệ khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ; trách nhiệm của tổ chức tín dụng nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế mở tài khoản; những tài sản không được kê biên; tổ chức thi hành các biện pháp cưỡng chế cụ thể; biên bản thi hành các biện pháp cưỡng chế cụ thể; giao bảo quản tài sản kê biên; định giá tài sản kê biên; chuyển giao tài sản đã kê biên để đấu giá; chuyển giao quyền sở hữu tài sản); bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế hành chính (quy định về các biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính; chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để đảm bảo thi hành và cưỡng chế đối với cá nhân, tổ chức vừa bị áp dụng xử phạt hành chính vừa bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả); chi phí cưỡng chế hành chính (quy định về xác định chi phí cưỡng chế; tạm ứng, hoàn trả chi phí cưỡng chế; lập dự toán, chấp hành và thanh toán chi phí cưỡng chế)...

*** Bộ Tài chính đang đề nghị xây dựng Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.**

Theo đó đề xuất chính sách: Hoàn thiện các quy định để tạo cơ chế khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phát hiện lãng phí.

Mục tiêu xây dựng chính sách nhằm khuyến khích các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đặc biệt là người lao động tham gia một cách có trách nhiệm vào việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và cung cấp thông tin phát hiện lãng phí.

Dự thảo sửa đổi, bổ sung Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng: Thứ nhất, bổ sung quy định khuyến khích cán bộ, công chức, cơ quan tổ chức, đơn vị thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như sau: (i) Đối với cá nhân có giải pháp, sáng kiến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì được khen thưởng ngoài các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng, mức khen thưởng căn cứ vào số kinh phí tiết kiệm được trong thực tế (có quy định mức tối đa). (ii) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định của pháp luật, được tự chủ trong việc quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm được vào các mục đích sau: (1) Bổ sung thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; (2) Chi khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ, công chức, trong đó cho phép việc trích khen thưởng cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị có giải pháp, sáng kiến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí mang lại kết quả cụ thể từ nguồn kinh phí tiết kiệm được; (3) Bổ sung các Quỹ theo quy định của pháp luật. Thực chất đây là việc luật hóa các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đã được thực hiện ổn định, có hiệu quả theo quy định của Chính phủ trong thời gian qua.

Thứ hai, bổ sung quy định khuyến khích các cá nhân cung cấp thông tin phát hiện lãng phí theo hướng: cho phép trích để lại một phần số kinh phí do ngăn chặn được lãng phí khi được phát hiện và ngăn chặn kịp thời cho chính người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí theo tỷ lệ % nhất định tính trên số tiền bị lãng phí đã ngăn chặn kịp thời nhưng có không chế mức tối đa.

Ngoài ra, bổ sung quy định cho phép các Bộ, ngành ban hành các chính sách khuyến khích khác theo hướng: ngoài các chính sách khuyến khích cụ thể tại Luật này, các luật chuyên ngành có thể quy định thêm các chính sách khác để khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với đặc thù của từng ngành, từng lĩnh vực.

Dự thảo đề xuất: Bổ sung, hoàn thiện các quy định về xử lý đối tổ chức cá nhân có hành vi vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó tập trung về việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu. Bổ sung quy định các trường hợp miễn trừ việc xử lý đối với cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

Cụ thể, bổ sung quy định về trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra một số hành vi sau thuộc lĩnh vực, đơn vị do mình trực tiếp phụ trách như: (i) không ban hành/chậm ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong từng lĩnh vực làm cơ sở để thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí; (ii) chậm ban hành các Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực; (iii) không thực hiện báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hoặc báo cáo không đầy đủ các nội dung theo quy định; (iv) không thực hiện việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Đồng thời, bổ sung quy định cho phép không xử lý vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với cán bộ năng động sáng tạo vì lợi ích chung trong một số trường hợp như: (i) đã đề xuất, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoặc thí điểm thực hiện chính sách mới có thể không đạt hiệu quả; (ii) đã đề xuất, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoặc thí điểm thực hiện vượt tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành do tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành đã không còn phù hợp nhưng chưa kịp thời sửa đổi.

Bên cạnh đó, bổ sung quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo pháp luật chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, kết nối liên thông giữa các Bộ, ngành, địa phương, Chính phủ, Quốc hội để làm cơ sở theo dõi, quản lý chặt chẽ các nguồn lực, tăng cường tính công khai, minh bạch cũng như trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Thông tư bãi bỏ các thông tư của Bộ Tài chính.**

Dự thảo nêu rõ, bãi bỏ toàn bộ các thông tư sau đây:

1. Thông tư số 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.
2. Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
3. Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
4. Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.
5. Thông tư số 107/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài.
6. Thông tư số 12/2017/TT-BTC ngày 10/02/2017 hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư thiết bị của dự án triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường.

7. Thông tư số 180/2014/TT-BTC ngày 27/11/2014 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn ứng trước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện dự án di dân, tái định cư điện hạt nhân Ninh Thuận.

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý vào dự thảo Thông tư ban hành Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở.**

Dự thảo nêu rõ, đối với các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở, mỗi năm xét công nhận tốt nghiệp cho người học không quá 02 lần do Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định.

Đối với các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, số lần xét công nhận tốt nghiệp cho người học trong mỗi năm do Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định. Việc xét công nhận tốt nghiệp được căn cứ vào kết quả rèn luyện và học tập năm học lớp 9 của người học. Về tuổi xét công nhận tốt nghiệp: Đối với người học đang theo học Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở không quá 21 tuổi.

Đối với người học đang theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở từ 15 tuổi trở lên. Trường hợp người học ở nước ngoài về nước, học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định, thực hiện theo quy định về độ tuổi theo cấp học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về kết quả rèn luyện và kết quả học tập: Người học được công nhận hoàn thành Chương trình Giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở hoặc Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (gọi tắt là Chương trình trung học cơ sở) trong năm học lớp 9 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người học chưa được công nhận hoàn thành Chương trình trung học cơ sở trong năm học lớp 9 do kết quả học tập cả năm học lớp 9 xếp loại Chưa đạt (hoặc học lực cả năm xếp loại yếu, kém) được đăng kí với cơ sở giáo dục nơi đã theo học lớp 9 để kiểm tra, đánh giá lại các môn học và được công nhận hoàn thành Chương trình trung học cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người học chưa được công nhận hoàn thành Chương trình trung học cơ sở trong năm học lớp 9 do kết quả rèn luyện cả năm học lớp 9 xếp loại Chưa đạt (hoặc hạnh kiểm cả năm xếp loại yếu) được đăng kí rèn luyện trong kì nghỉ hè của năm học đó với cơ sở giáo dục nơi đã theo học lớp 9 để được đánh giá lại và được công nhận hoàn thành Chương trình trung học cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp người học không đăng kí rèn luyện trong kì nghỉ hè của năm học đó với cơ sở giáo dục nơi đã theo học lớp 9, để được đánh giá lại thì phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương theo quy định.

Người học chưa được công nhận hoàn thành Chương trình trung học cơ sở do nghỉ học quá 45 buổi trong năm học lớp 9, được đăng kí với cơ sở giáo dục nơi đã theo học để học lại lớp 9 và được công nhận hoàn thành Chương trình trung học cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người học được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở được cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Việc quản lý, cấp phát, chỉnh sửa, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung học cơ sở được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Bộ Y tế đang dự thảo Thông tư quy định hồ sơ bệnh án và Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án.**

Dự thảo nêu rõ, hồ sơ bệnh án là tập hợp dữ liệu, bao gồm thông tin cá nhân, kết quả khám bệnh, kết quả cận lâm sàng, kết quả thăm dò chức năng, quá trình chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và những thông tin khác có liên quan trong quá trình chữa bệnh của người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Hồ sơ bệnh án được xây dựng dựa trên quan điểm lấy người bệnh làm trung tâm.

Các bệnh án, biểu mẫu khi xây dựng phải đạt được các mục tiêu sau: 1. Cung cấp thông tin chính xác về người bệnh bao gồm bao gồm thông tin cá nhân, kết quả khám bệnh, cận lâm sàng, thăm dò chức năng, quá trình chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và những thông tin khác có liên quan trong quá trình chữa bệnh của người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. 2. Hỗ trợ chăm sóc liên tục, trao đổi thông tin đảm bảo người bệnh được điều trị, chăm sóc phù hợp và nhất quán trong quá trình nằm viện hoặc chuyển viện. 3. Là tài liệu pháp lý về quá trình chẩn đoán, điều trị, chăm sóc cho người bệnh khi có khiếu kiện. 4. Căn cứ để thanh toán viện phí, bảo hiểm y tế. 5. Phục vụ nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. 6. Hồ sơ bệnh án cần được thiết kế linh hoạt để phù hợp với nhiều loại bệnh và phương pháp điều trị khác nhau. Hồ sơ bệnh án cần có khả năng mở rộng và tùy chỉnh để phục vụ các nhu cầu đặc thù của từng bệnh viện và các khoa điều trị. 7. Hồ sơ bệnh án cần được thiết kế linh hoạt để phù hợp với nhiều loại bệnh và phương pháp điều trị khác nhau. Hồ sơ bệnh án cần có khả năng mở rộng và tùy chỉnh để phục vụ các nhu cầu đặc thù của từng bệnh viện và các khoa điều trị. 8. Tiếp cận các tiêu chuẩn, các chuẩn mã hóa HL7 (Health Level 7 là tiêu chuẩn quốc tế cung cấp giao thức chuẩn về quản lý, trao đổi và tích hợp dữ liệu y tế giữa các hệ thống thông tin y tế nhằm hỗ trợ các hoạt động y tế), SNOMED CT (Hệ thống Danh pháp Thuật ngữ Y học Lâm sàng là một bộ danh pháp thuật ngữ lâm sàng điện tử được mã hóa, tập hợp các khái niệm lâm sàng liên kết với các thuật ngữ mô tả cho các khái niệm đó), ICD-10 (Là phiên bản thứ 10 của Phân loại thống kê quốc tế về các bệnh tật và vấn đề sức khỏe liên quan (ICD)).

Nhân viên y tế chịu trách nhiệm ghi chép Hồ sơ bệnh án phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Tính chính xác: Thông tin về triệu chứng, kết quả khám bệnh và các nội dung liên quan khác cần được ghi lại một cách chính xác, trung thực. 2. Tính đầy đủ: Việc ghi chép trong hồ sơ bệnh án cần phải đầy đủ, tránh bỏ sót các thông tin quan trọng về thông tin hành chính, kết quả khám bệnh, cận lâm sàng, thăm dò chức năng, quá trình chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và những thông tin khác có liên quan trong quá trình chữa bệnh của người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. 3. Tuân thủ quy định: Việc ghi chép hồ sơ bệnh án phải tuân thủ các nội dung, hướng dẫn chuyên môn đã được ban hành. 4. Dễ đọc, dễ hiểu: Hồ sơ bệnh án phải sử dụng các từ ngữ rõ ràng, khoa học, trình bày dễ hiểu, dễ đọc. 5. Thời gian và người trực tiếp ghi chép: Thời gian ghi chép và người trực tiếp ghi chép thông tin trong hồ sơ bệnh án cần được ghi rõ tại mỗi mục có chứa thông tin.

Tại dự thảo, Bộ Y tế cũng đề xuất mẫu hồ sơ bệnh án và giấy, phiếu, sổ chuyên môn trong các Phụ lục. Trong đó nêu rõ các quy định phân thông tin chung và Tổng kết hồ sơ bệnh án, mẫu tóm tắt hồ sơ bệnh án, các Phiếu khám bệnh ban đầu, Phiếu khám chuyên khoa chung, các mẫu giấy, phiếu, sổ Y, Dược, Vật tư và thiết bị y tế trong hồ sơ bệnh án...

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.**

Dự thảo sửa đổi quy định về "Thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán dự án: Cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán dự án kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ" như sau: Đối với dự án nhóm A: Không quá 15 ngày; Đối với dự án nhóm B: Không quá 10 ngày; Đối với dự án nhóm C: Không quá 5 ngày.

Dự thảo cũng sửa đổi, bổ sung quy định về "Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm" (Điều 48). Cụ thể:

Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau trong các trường hợp sau: a) Dự án quan trọng quốc gia; b) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; c) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí kế hoạch vốn năm sau. Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí đủ vốn trong năm kế hoạch để hoàn thành nhưng không được bố trí kế hoạch vốn năm sau; d) Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau; đ) Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép; e) Dự án cơ quan đại diện và cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài; g) Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã được bố trí đủ vốn trước thời điểm kết thúc giải ngân theo quy định của điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế hoặc theo quy định của nhà tài trợ và thời điểm kết thúc giải ngân được kéo dài hoặc kết thúc vào năm sau năm kế hoạch; h) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ có duy nhất 01 dự án hoặc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư trong năm kế hoạch hoặc không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch; i) Nhiệm vụ quy hoạch; k) Các khoản dự toán chi đầu tư phát triển được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm kế hoạch.

Căn cứ đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách trung ương của bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023

Ngày 05/10/2023, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Kế hoạch số 243/KH-UBND về triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 đối với các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.

Kế hoạch được ban hành căn cứ theo Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về việc ban hành Chỉ số cải cách hành chính các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc TP. Hà Nội giai đoạn 2023 - 2030.

Theo đó, Ủy ban nhân dân yêu cầu: Các đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc tham gia phối hợp triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, bảo đảm chất lượng công việc và tiến độ được giao; thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ, trách nhiệm về đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, bảo đảm trung thực, chính xác; tổ chức điều tra xã hội học khách quan, khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế.

Đối với đánh giá của Hội đồng thẩm định, các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tự đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan mình theo các tiêu chí được Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành. Điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị được Hội đồng thẩm định của thành phố thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh (nếu cần thiết).

Đối với đánh giá điều tra xã hội học, đối tượng và phạm vi điều tra theo Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 22/8-/2023 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội. Cụ thể:

Đối với các sở, cơ quan tương đương sở gồm: Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; công chức, viên chức thuộc sở, cơ quan tương đương sở; lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; doanh nghiệp, tổ chức; người dân (cá nhân).

Đối với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã gồm: Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; công chức, viên chức cấp huyện; lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; doanh nghiệp, tổ chức; người dân (cá nhân).

Thời gian điều tra từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2023; thực hiện thu thập thông tin với mỗi đối tượng điều tra theo tình hình cụ thể của các đơn vị.

Thời kỳ đánh giá: Thu thập thông tin về kết quả công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị phát sinh từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023.

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội chủ trì, thống nhất với Sở Nội vụ xác định số lượng phiếu điều tra, xây dựng các mẫu phiếu, các câu hỏi thông tin liên quan, bao gồm 5 mẫu phiếu đối với cấp sở và 5 mẫu phiếu đối với cấp huyện.

Các cơ quan, đơn vị được đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2023 triển khai kế hoạch này, xây dựng báo cáo tự đánh giá gửi về Sở Nội vụ trước ngày 30/11/2023.

*** Lắng nghe cơ sở, giải quyết việc dân cần**

Lãnh đạo cấp ủy quận, huyện, thị xã thường xuyên làm việc với phường, xã, thị trấn; dự sinh hoạt chi bộ ở địa bàn dân cư đã và đang đem lại những hiệu quả tích cực trong lãnh đạo, chỉ đạo. Lắng nghe cơ sở, gần dân, sát dân giúp các cấp ủy giải quyết tốt các nhiệm vụ chính trị đặt ra.

Hiệu quả thiết thực...

Cứ mỗi dịp đầu tháng, Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, các Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Quốc Oai lại xuống dự sinh hoạt chi bộ ở địa bàn dân cư để lắng nghe, trao đổi ý kiến với cán bộ, đảng viên. Theo Bí thư Huyện ủy Quốc Oai Nguyễn Văn Thọ, đây là nhiệm vụ đã trở thành nền nếp được Huyện ủy Quốc Oai đặc biệt quan tâm từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến nay. Cùng với đó, Thường trực, Ban Thường vụ Huyện ủy Quốc Oai thường xuyên tổ chức làm việc với các xã, thị trấn, nhất là các xã còn khó khăn; làm việc riêng với cấp ủy tổ chức Đảng các khối, lĩnh vực để nắm bắt tình hình, chỉ đạo giải quyết những vấn đề có tính chất chuyên đề như giáo dục, đất đai...

Nhờ đổi mới phong cách lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng này, kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của huyện Quốc Oai từng bước được cải thiện. Tổ chức Đảng ngày càng khẳng định được vai trò lãnh đạo. Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực. Thu nhập bình quân đầu người tăng hơn 20% so với đầu nhiệm kỳ. Số hộ nghèo giảm còn 0,084%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện. Đặc biệt, chỉ số cải cách hành chính của huyện năm 2021 đứng thứ 12; năm 2022, đã vươn lên đứng thứ 9 trong khối quận, huyện, thị xã.

Lãnh đạo Quận ủy Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Nam Từ Liêm, Long Biên... cũng thường xuyên dự sinh hoạt tại chi bộ địa bàn dân cư và kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trọng điểm của cấp ủy cơ sở; giải quyết những vấn đề mới phát sinh; coi đây là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Kết quả là, các địa phương này đã thường xuyên đứng tốp đầu TP. Hà Nội về thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, bảo đảm an sinh xã hội và đặc biệt là cải cách hành chính. Năm 2022, quận Hoàn Kiếm đứng vị trí số 1, quận Nam Từ Liêm đứng thứ 2 và quận Long Biên đứng thứ 3, quận Tây Hồ đứng thứ 4.

Sự có mặt của lãnh đạo Thường trực cấp ủy còn như một thông điệp khẳng định tiếng nói ở địa bàn dân cư luôn được lắng nghe và khoảng cách giữa cơ quan lãnh đạo địa phương cao nhất với địa bàn dân cư là vô cùng gần gũi.

Bí thư Chi bộ Tổ dân phố số 6 (phường Bưởi, quận Tây Hồ) Nguyễn Đăng Hùng cho biết: “Đồng đảng đảng viên đều rất phấn khởi khi được các đồng chí lãnh đạo cấp ủy của quận mà trực tiếp là đồng chí Bí thư Quận ủy về tham dự buổi sinh hoạt chi bộ và có chỉ đạo giải quyết việc dân cần, dân mong như đề xuất đưa “Hội thè Trung hiếu đền Đồng Cổ” tại phường vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia”.

... từ bám sát địa bàn, theo sát cơ sở

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặc biệt quan tâm, nhiều lần nhắc nhở, lưu ý các cấp ủy, cán bộ lãnh đạo về vai trò của chi bộ và trách nhiệm gần dân, sát cơ sở. Người nói: “Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc tốt”, “phải củng cố chi bộ cho thật tốt”.

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới” nêu rõ mục tiêu: “Xây dựng phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cấp ủy, tổ chức Đảng, thực sự khoa học, dân chủ, sát với thực tiễn; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng thông suốt từ trung ương đến cơ sở”.

Tại TP. Hà Nội, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Đinh Tiến Dũng, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố đã lưu ý các cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy phải bám sát, lắng nghe ý kiến cơ sở để làm căn cứ lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết những việc dân cần, từ đó tạo lòng tin, sự ủng hộ của người dân. Bởi có sự ủng hộ của người dân thì làm việc gì cũng thành công, không có sự ủng hộ của người dân thì làm việc gì cũng sẽ thất bại.

Những cơ sở này cho thấy, sự chủ động tích cực đổi mới phương thức, phong cách lãnh đạo, chỉ đạo hướng mạnh về cơ sở để lắng nghe của lãnh đạo các quận, huyện, thị ủy là đúng hướng, cần thiết cả về lý luận và thực tiễn. Đây là bài học quan trọng mà mỗi cấp ủy tổ chức Đảng phải luôn luôn quan tâm, nhắc nhở để thực hiện thường xuyên.

Trên thực tế, một số cấp ủy Đảng vẫn chưa thực sự coi trọng vấn đề này. Trao đổi với phóng viên Báo Hà Nội mới, có cán bộ, đảng viên ở địa bàn dân cư chia sẻ không hài lòng vì cán bộ lãnh đạo cấp ủy ít khi xuống gặp gỡ, tiếp xúc với dân, với chi bộ: “Chúng tôi chả bao giờ thấy mặt, mũi các anh ấy ra sao. Người ta có câu “nhất cự ly, nhì cường độ”; muốn dân ủng hộ thì phải xuống với cơ sở trò chuyện, trao đổi chứ”.

Trong các cuộc làm việc của Thường trực Thành ủy Hà Nội với Huyện ủy Chương Mỹ và Quận ủy Hà Đông vừa qua, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hoàng Trọng Quyết đã lưu ý lãnh đạo cấp ủy phải chỉ đạo sát sao việc rà soát, đánh giá ngay đối với các đảng bộ cơ sở và chi bộ trực thuộc còn yếu kém, thuộc diện “nguy cơ” cần được củng cố để có biện pháp kịp thời, tránh để phát sinh thành “điểm nóng”. Một trong những giải pháp quan trọng, cần thực hiện thường xuyên là phải bám sát địa bàn, theo sát cơ sở để nắm bắt tình hình, tiếp xúc để hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của đảng viên và Nhân dân.

Nguồn: hanoimoi.vn

TP. HỒ CHÍ MINH: QUYẾT LIỆT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh vừa ban hành kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 4 tháng cuối năm 2023.

Kế hoạch nhằm tập trung hoàn thành đảm bảo tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ, chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao địa phương phải hoàn thành trong năm 2023. Đồng thời, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, khắc phục ngay tồn tại, hạn chế, yếu kém trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức.

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh yêu cầu các cơ quan, đơn vị tập trung nguồn lực, quyết liệt thực hiện nhiệm vụ và xác định kết quả triển khai kế hoạch là một trong những căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2023.

*** Công bố thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

Chiều ngày 04/10, Sở Xây dựng phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức họp báo công bố thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trên nền tảng trực tuyến.

Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến là khâu quan trọng, then chốt trong tiến trình cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử, tăng cường uy tín, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính cấp tỉnh (PAPI), hiện thực hóa Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số trong tương lai, góp phần từng bước giúp cơ quan nhà nước giảm thiểu được áp lực công việc, giải quyết công việc nhanh hơn, thuận tiện và khoa học hơn.

Đồng thời, tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của cán bộ, công chức được phân công xử lý hồ sơ thủ tục hành chính..., góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Việc đẩy mạnh sử dụng các dịch vụ công trực tuyến để giải quyết các thủ tục hành chính trong thời gian qua đã tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có thể thực hiện các thủ tục cần thiết mà không cần đến cơ quan nhà nước.

Hiện nay, Sở Xây dựng đang cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 22 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, bao gồm 17 thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình và 5 thủ tục hành chính trực tuyến một phần trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính thành phố tại địa chỉ dichvucong.hochiminhcity.gov.vn. Theo đó, 9 tháng đầu năm 2023, Sở Xây dựng đã tiếp nhận 13.276 hồ sơ; đã giải quyết 12.467 hồ sơ; đang giải quyết 809 hồ sơ.

Với phương thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần, khi có nhu cầu giải quyết liên quan đến thủ tục hành chính, tổ chức, cá nhân có thể thực hiện tại nhà và có thể giao dịch 24/24 giờ trong ngày với các cơ quan hành chính nhà nước tại bất cứ đâu, chỉ cần có thiết bị kết nối internet.

Theo lãnh đạo Sở Xây dựng, khi tổ chức, cá nhân tham gia dịch vụ công trực tuyến sẽ đạt được những lợi ích thiết thực như: thủ tục đăng ký đơn giản, nhanh chóng, thuận tiện 24/24 giờ trong ngày tại mọi địa điểm có kết nối internet; không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố dịch bệnh, thiên tai..., tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, đơn giản thủ tục giấy tờ, theo dõi được tình trạng hồ sơ trên website trực tuyến, tin nhắn điện thoại, địa chỉ email; đảm bảo công khai, minh bạch hồ sơ, thủ tục.

Nguồn: sggp.org.vn

TP. ĐÀ NẴNG: NGHIÊM CẤM TÌNH TRẠNG NÉ TRÁNH, ĐÙN ĐẨY TRÁCH NHIỆM

Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng Lê Trung Chinh ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước về thực hiện công tác cải cách hành chính.

Cụ thể, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng yêu cầu tuyệt đối không để xảy ra tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan thuộc quyền quản lý cho cơ quan cấp trên hoặc sang cơ quan khác.

Người đứng đầu các cấp chịu trách nhiệm nếu để cán bộ cấp dưới có những hành vi sai quy định chức trách công vụ.

Đơn cử như các hành vi đòi hỏi giấy tờ hồ sơ ngoài quy định, hướng dẫn bổ sung hồ sơ nhiều lần không thống nhất. Hoặc cố tình kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, trả kết quả, trễ hẹn không có lý do chính đáng, không cung cấp phiếu hẹn ngày trả kết quả cho công dân.

Các hành vi khác cũng bị nghiêm cấm như vùi vĩnh, những nhiễu gây phiền hà cho nhân dân. Cán bộ có thái độ thiếu nghiêm túc, không đúng mực khi tiếp xúc với dân, có thái độ vô cảm trước yêu cầu bức xúc chính đáng của người dân, không có người trực giải quyết công việc của dân.

Người đứng đầu các cấp có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ CCHC của trưởng các phòng ban chuyên môn và các cơ quan trực thuộc. Nếu người đứng đầu để xảy ra vi phạm thì phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Việc đánh giá xếp hạng công tác cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị là căn cứ để làm cơ sở đánh giá, xếp loại chất lượng người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng sẽ đánh giá mức độ hoàn thành của người đứng đầu các cấp về thực hiện cải cách hành chính thông qua kết quả trình đánh giá xếp hạng cải cách hành chính hàng năm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá mức độ hoàn thành của người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện cải cách hành chính, tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, phân loại hàng năm về Ủy ban nhân dân thành phố thông qua Sở Nội vụ.

Tại Buổi tọa đàm do Thành ủy Đà Nẵng tổ chức mới đây, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng Lê Trung Chinh nhận định, tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, không dám làm trong đội ngũ cán bộ thể hiện trên nhiều ngành, lĩnh vực với nhiều biểu hiện khác nhau.

Qua tình hình thực tế TP. Đà Nẵng và trong cả nước, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng đã chia thành hai nhóm. Một là, nhóm những cán bộ không muốn làm vì không có lợi ích riêng. Hai là, nhóm cán bộ sợ vi phạm pháp luật nên không dám làm. TP. Đà Nẵng cũng chỉ ra 12 biểu hiện của tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

“Tình trạng sợ trách nhiệm ở những cấp độ khác nhau đều hết sức nguy hại, tác động tiêu cực đến sự phát triển chung. Cán bộ sợ trách nhiệm sẽ làm giảm sút năng lực lãnh đạo và sự

đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, làm cản trở sự phát triển, làm sa sút niềm tin của nhân dân”, ông Chính nhấn mạnh.

Nguồn: plo.vn

BẮC GIANG: TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH HIỆN TRƯỜNG CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN PHẢN ÁNH

Ngày 29/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ký Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh hiện trường của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường tỉnh Bắc Giang.

Quy định này quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh hiện trường của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường tỉnh Bắc Giang thuộc phạm vi quản lý của các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh; các tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích.

Theo đó, các phản ánh hiện trường của cá nhân, tổ chức được thực hiện thông qua một trong các hình thức: Ứng dụng trên giao diện Web, tại địa chỉ: <https://pakn.bacgiang.gov.vn>; Ứng dụng trên thiết bị di động: Bac Giang-C; Trang Zalo, tại địa chỉ: <https://zalo.me/paknbg>; Hệ thống tổng đài số IOC Bắc Giang: (0204)1022.

Quyết định đã quy định rõ nguyên tắc tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh hiện trường của cơ quan, đơn vị phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, trung thực... quy định điều kiện xác định phản ánh đảm bảo và không đảm bảo; quy trình tiếp nhận thông tin phản ánh hiện trường; quy trình xử lý thông tin phản ánh hiện trường; quy trình biên tập và công khai kết quả xử lý thông tin phản ánh hiện trường; lưu trữ, đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu và tương tác, đánh giá kết quả xử lý thông tin phản ánh hiện trường.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/10/2023.

Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang

YÊN BÁI: COI TRỌNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

Ngày 05/10, Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026 tổ chức Kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) để thảo luận và thông qua nhiều nghị quyết quan trọng liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới.

Tại Kỳ họp, sau khi xem xét, thông qua các tờ trình, dự thảo nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái đã thảo luận dân chủ và biểu quyết thông qua 13 nghị quyết; trong đó có 10 nghị quyết về cơ chế, chính sách.

Cụ thể, Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái đã thông qua các nghị quyết về Điều chỉnh Chủ trương Đầu tư Dự án Khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái; Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xử lý Khẩn cấp Kè chống Sạt lở và Chinh trị suối Nậm Kim khu vực xã Hồ Bốn (huyện Mù Cang Chải); Quy định cụ thể nhiệm vụ chi và mức chi bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái...

Các nghị quyết được thông qua tại kỳ họp đã bám sát chủ trương của Tỉnh ủy, tiếp tục cụ thể hóa các văn bản của Trung ương vào điều kiện thực tế của địa phương để kịp thời triển khai, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng-an ninh trên địa bàn tỉnh năm 2023 và những năm tiếp theo.

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái Tạ Văn Long đề nghị, ngay sau Kỳ họp, Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương tổ chức thực hiện các nghị quyết đảm bảo trình tự, thủ tục, quy trình theo quy định pháp luật hiện hành; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện để các nghị quyết sớm đi vào cuộc sống.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thông tin đến cử tri kết quả của Kỳ họp, các nghị quyết đã được thông qua; thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ, lắng nghe, phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri; vận động, tuyên truyền nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.

Để hoàn thành thắng lợi toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của năm 2023, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, ngành, địa phương tiếp tục bám sát các nội dung chỉ đạo của Trung ương, chủ trương của Tỉnh ủy và tình hình thực tế, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

Các địa phương thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, quan tâm thực hiện tốt an sinh xã hội, các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và chủ động phương án phòng, chống thiên tai, hạn hán, cháy rừng, lụt bão có thể xảy ra trên địa bàn.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai kế hoạch tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu đúng quy định, để Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại Kỳ họp cuối năm 2023.

Nguồn: vietnamplus.vn/ttxvn

HÒA BÌNH: TRAO ĐỔI, THÁO GỖ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

Ngày 05/10, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình tổ chức Hội nghị gặp gỡ, trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023. Trong đó, có nhóm nhiệm vụ, giải pháp gắn với thực hiện của từng cơ quan, đơn vị về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Hòa Bình.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính tỉnh; ban hành danh mục 1.113 dịch vụ công trực tuyến, 745 dịch vụ công trực tuyến một phần. Chỉ đạo tiếp tục rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính, minh bạch hóa các quy định liên quan đến điều kiện kinh doanh, gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, xây dựng... Bãi bỏ những quy định không còn phù hợp gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Hòa Bình tiếp tục tổ chức đánh giá năng lực cạnh tranh cấp huyện và các sở, ngành tỉnh. Qua đó, các cơ quan, đơn vị nhận diện được những hạn chế đối với môi trường kinh doanh của tỉnh. Với những nỗ lực của các cấp, các ngành đã giúp môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh có những chuyển biến khá tích cực.

Theo cập nhật trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tính đến tháng 7/2023, Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công của tỉnh Hòa Bình đạt 81,38 điểm, xếp thứ hai cả nước. Tháng 8/2023, điểm số tiến độ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của tỉnh Hòa Bình đạt 70,97 điểm, xếp thứ 2 trên 63 tỉnh, thành phố. 100% doanh nghiệp thực hiện tuyên truyền chính sách thuế mới qua các ứng dụng zalo, facebook. 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng hóa đơn điện tử. 100% doanh nghiệp đang hoạt động được thực hiện kê khai thuế điện tử và thực hiện đăng ký nộp thuế điện tử với ngân hàng thương mại; 100% giao dịch nộp thuế được thực hiện bằng các phương thức nộp thuế điện tử...

Trong 9 tháng năm nay, tỉnh Hòa Bình đã thu hút được 32 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký 14.000 tỷ đồng. Lũy kế toàn tỉnh có 747 dự án, trong đó có 36 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn đăng ký 608 triệu USD và 711 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký khoảng 272.000 tỷ đồng; toàn tỉnh ước có khoảng 320 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 4.200 tỷ đồng.

Tại Hội nghị, ngoài những ý kiến gửi bằng văn bản, có 10 ý kiến đại diện 10 doanh nghiệp đề xuất, kiến nghị, đóng góp với tỉnh liên quan đến các vấn đề về thủ tục cấp phép xây

dựng, cấp phép khai thác mỏ đá, đất; hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải phóng đường điện; thủ tục tiếp tục thuê đất; công tác phòng cháy, chữa cháy; thủ tục nâng mức vốn, quy mô đầu tư; điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất, định hướng phát triển kinh tế của tỉnh...

Phát biểu kết luận Hội nghị, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ghi nhận những ý kiến đề xuất, kiến nghị, đóng góp của các doanh nghiệp. Đồng thời, giao các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố trực tiếp giải quyết những vướng mắc của các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong thời gian sớm nhất. Với những kiến nghị không thuộc thẩm quyền của tỉnh thì các sở, ban, ngành cùng doanh nghiệp đề xuất cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Nguồn: baohoabinh.com.vn

NAM ĐỊNH: TẬP TRUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHỤC VỤ

Thời gian qua, tỉnh Nam Định tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nỗ lực của các cấp, ngành đã đem lại nhiều kết quả tích cực, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trưởng phòng Phòng Công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định Nguyễn Mạnh Khuyến cho biết: Xác định chuyển đổi số là “chìa khóa” quan trọng thúc đẩy cải cách hành chính, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định khóa 20 đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Sau khoảng hai năm tập trung thực hiện, đến nay tỉnh Nam Định đã có bước chuyển mạnh mẽ trong lĩnh vực này với một số chỉ số thuộc tốp đầu cả nước.

Năm 2022, tỉnh Nam Định xếp thứ 10 trong số 63 tỉnh, thành phố trong toàn quốc về kết quả xếp hạng chuyển đổi số. Từ tháng 11/2022 đến nay, tỉnh Nam Định luôn thuộc nhóm dẫn đầu toàn quốc về quản trị dịch vụ công trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Trong Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Nam Định, các chỉ số thành phần về xây dựng và phát triển chính quyền số, chính quyền điện tử xếp thứ bảy cả nước, đứng thứ hai trong nhóm các tỉnh Đồng bằng sông Hồng.

Trong xây dựng chính quyền số, tỉnh Nam Định có 100% số thủ tục hành chính được duy trì cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên nhiều phương tiện, gồm cả thiết bị di động. 100% số hồ sơ công việc của cấp tỉnh, cấp huyện và 80% số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng; 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử (bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm) được kết nối với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Ước tính, việc xây dựng và vận hành chính quyền điện tử, tạo nền hành chính hiện đại với các thủ tục hành chính được giải quyết bằng quy trình điện tử, hồ sơ điện tử, dịch vụ công

trực tuyến và dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia, văn bản điện tử có chữ ký số, đã giúp tỉnh Nam Định giảm được trung bình hơn 40% thời gian, nguyên liệu văn phòng phẩm; tiết kiệm chi phí xã hội đến hàng chục tỷ đồng mỗi năm.

Trong xây dựng kinh tế số, tỉnh Nam Định đạt nhiều kết quả tích cực, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số đã chiếm khoảng 12% GRDP. Giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt được thực hiện phổ biến trên các nền tảng thanh toán số của các ngân hàng, đáng chú ý là việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giáo dục, y tế, giải quyết thủ tục hành chính, thanh toán nghĩa vụ thuế về đất đai và kinh doanh bán lẻ, chợ online 4.0...

Về trụ cột xã hội số, hiện nay trên địa bàn tỉnh Nam Định đã có hơn 90% số hộ gia đình được phủ mạng internet cáp quang tốc độ cao; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại di động thông minh ước đạt hơn 85%; 75% số dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng, tổ chức tín dụng...

Được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2019, Trung tâm Phục vụ hành chính công (nay là Trung tâm Phục vụ hành chính công, Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định) đã phát huy hiệu quả cao trong công tác tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính, tăng cường hoạt động quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính của công chức một cửa. Theo Phó Giám đốc Trung tâm Nguyễn Phúc Sơn, 100% số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền được niêm yết công khai trên hệ thống thông tin giải quyết, trong đó có 70% số thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến toàn trình và một phần mức độ 3, mức độ 4.

Tính đến tháng 8/2023, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh là hơn 183.600 hồ sơ; đã xử lý 175.080 hồ sơ, tỷ lệ đúng và trước hạn đạt 99,84%. Kết quả đánh giá Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia cho thấy, tỉnh Nam Định luôn đứng trong top 5 toàn quốc và là một trong các tỉnh, thành phố có ít hồ sơ quá hạn nhất.

Tỉnh Nam Định đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt kết quả trong nhóm khá của cả nước. Đồng thời, có 50% số hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP.

Để thực hiện mục tiêu này, tỉnh Nam Định tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tăng tốc, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trên cả ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, trọng tâm là phát triển các nền tảng số để cung cấp dịch vụ theo nhu cầu, ứng dụng công nghệ mới để cung cấp dịch vụ mới cho người dân, triển khai hiệu quả nhiệm vụ tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu phục vụ việc xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, tỉnh Nam Định cũng chú trọng phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp; xây dựng và phát triển hạ tầng kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, giúp người dân thụ hưởng trực tiếp lợi ích từ chuyển đổi số.

Từ đó, góp phần quan trọng vào công tác thu hút đầu tư, tạo sức bật phát triển kinh tế - xã hội cũng như thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ 20, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Nguồn: nhandan.vn

NGHỆ AN: CÔNG BỐ KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ CÁC HUYỆN

Chiều ngày 05/10, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tổ chức Hội nghị trực tuyến công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (DDCI) tỉnh Nghệ An năm 2022.

Tại Hội nghị, đơn vị tư vấn đã công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tỉnh Nghệ An năm 2022. Đây là năm đầu tiên tỉnh Nghệ An tổ chức công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và địa phương.

Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Nghệ An năm 2022 dựa trên tổng hợp ý kiến của 2.123 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo 2 hình thức điều tra, khảo sát trực tiếp và trực tuyến; trong đó 855 phiếu đánh giá khối sở, ban, ngành và 1.268 phiếu đánh giá khối địa phương.

Bộ Chỉ số năng lực cạnh tranh khối sở, ban, ngành gồm 8 chỉ số thành phần: Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện thủ tục hành chính; Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin; Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ quy định pháp luật; Chi phí không chính thức; Cạnh tranh bình đẳng; Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành; Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; Hiệu lực thiết chế.

Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh khối sở, ban, ngành chia thành 2 nhóm: Nhóm A gồm 12 đơn vị có đối tượng phục vụ chính là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và số lượng thủ tục hành chính/mức tương tác với các đối tượng này lớn và đáng kể.

Nhóm B gồm 11 đơn vị có đối tượng phục vụ chính không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và số lượng thủ tục hành chính/mức tương tác với các đối tượng này ở mức độ thấp hơn.

Tại nhóm A, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dẫn đầu bảng xếp hạng với 79,34 điểm; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xếp thứ 2 với 79,03 điểm; Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam xếp thứ 3 với 77,89 điểm và xếp cuối nhóm là Cục Thuế với 75,01 điểm.

Tại nhóm B, Sở Thông tin và Truyền thông dẫn đầu bảng xếp hạng với 81,76 điểm; Sở Tư pháp xếp thứ 2 với 81,46 điểm; Sở Văn hóa và Thể thao xếp thứ 3 với 81,10 điểm; xếp cuối nhóm là Sở Khoa học và Công nghệ với 76,48 điểm.

Trong khối sở, ban, ngành, các chỉ số thành phần có điểm tích cực, gồm: Chi phí không chính thức; Chi phí thực hiện thủ tục hành chính; Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin. Các chỉ số thành phần cần được cải thiện, gồm: Chi phí gia nhập thị trường; Hỗ trợ sản xuất kinh doanh; Cạnh tranh bình đẳng.

Ở khối địa phương, Bộ Chỉ số năng lực cạnh tranh gồm 9 chỉ số thành phần: Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện thủ tục hành chính; Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin; Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ quy định pháp luật; Chi phí không chính thức; Cạnh tranh bình đẳng; Tính năng động và tiên phong; Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự; Tiếp cận đất đai.

Kết quả, huyện Nghi Lộc dẫn đầu bảng xếp hạng với 85,43 điểm; thị xã Hoàng Mai xếp thứ 2 với 83,46 điểm; huyện Tương Dương xếp thứ 3 với 81,26 điểm. 3 vị trí cuối bảng lần lượt là huyện Quỳnh Hợp với 70,14 điểm; huyện Quỳnh Châu với 68,67 điểm; huyện Hưng Nguyên với 67,64 điểm.

Trong khối địa phương, các chỉ số có điểm số tương đối tích cực, gồm: Chi phí không chính thức; Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự; Cạnh tranh bình đẳng. Các chỉ số cần cải thiện, gồm: Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin; Chi phí gia nhập thị trường; Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.

Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tại Nghệ An đo lường cảm nhận của cộng đồng doanh nghiệp về chất lượng công tác điều hành kinh tế, quản trị công của các sở, ban, ngành và các địa phương đối với doanh nghiệp, cơ sở kinh tế thông qua các một hệ thống các chỉ số và chỉ tiêu, từ đó nhận biết các vấn đề và biện pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và môi trường đầu tư của tỉnh nhằm thúc đẩy sự phát triển các doanh nghiệp, các cơ sở kinh tế.

Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã không phản ánh toàn bộ các mặt về mức độ và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của một sở, ban, ngành hay địa phương mà chỉ từ góc độ điều hành, quản trị công liên quan tới doanh nghiệp, hộ kinh doanh và đóng góp cho môi trường kinh doanh của tỉnh. Cải cách hành chính hay tính tiên phong của lãnh đạo chỉ là những khía cạnh trong nội dung đánh giá bên cạnh tính minh bạch, chi phí không chính thức, hiệu quả thực thi pháp luật...

Nguồn: baonghean.vn

QUẢNG TRỊ: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tỉnh Quảng Trị xác định chuyển đổi số là giải pháp quan trọng hàng đầu trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị, là công cụ tạo đột phá trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, là mục tiêu và động lực tăng trưởng kinh tế, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội của địa phương.

Đến nay, 100% các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh Quảng Trị đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, trong đó người đứng đầu các địa phương, đơn vị là trưởng các Ban Chỉ đạo chuyển đổi số. 100% các sở, ban, ngành và địa phương đã bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tham mưu công tác chuyển đổi số và an toàn thông tin. Toàn tỉnh Quảng Trị đã thành lập 115 tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và 715 tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với tổng số 4.327 thành viên.

Năm 2023, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức 10 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ công chức tỉnh Quảng Trị. Hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia (10/10) và Ngày chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2023, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp cùng Công đoàn Viên chức tỉnh tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu kiến thức về Chuyển đổi số” nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong cán bộ công chức, viên chức và người lao động thuộc Công đoàn viên chức tỉnh Quảng Trị.

Về hạ tầng số: đến nay 99,53% dân số trưởng thành của tỉnh có điện thoại thông minh với 95,22% hộ gia đình có người có điện thoại thông minh; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang ước đạt 80,51%; 100% các cơ quan nhà nước có kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng. Tỉnh Quảng Trị, hiện có 8 nền tảng số được triển khai trên địa bàn tỉnh như: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh; Nền tảng giám sát điều hành thông minh; Nền tảng trợ lý ảo với tổng đài AI 1900868674; Nền tảng giám sát an toàn thông tin...

Việc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trên cả 3 trụ cột chính: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Về chính quyền số: Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh đã kết nối với Trung tâm giám sát quốc gia về chính phủ số và đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6; Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh đã cung cấp 747 dịch vụ công trực tuyến một phần và 959 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Về kinh tế số: Toàn tỉnh Quảng Trị hiện có 737 doanh nghiệp công nghệ số với 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có triển khai nền tảng hóa đơn điện tử. Ngoài sàn thương mại điện tử của tỉnh, tỉnh Quảng Trị hiện có 3.757 sản phẩm được đưa lên các sàn thương mại điện tử Voso và Postmart (đứng thứ 6/19 tỉnh thành trong khu vực), với 16.000 giao dịch thương mại điện tử được thực hiện trên các sàn thương mại điện tử này; có 113.335 hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số; tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử đạt 55% (xếp thứ 4/19 tỉnh thành trong khu vực). 100% cơ sở khám chữa bệnh và 100% các trường học, cơ sở giáo dục đảm bảo các điều kiện và chấp nhận thanh toán học phí, phí, lệ phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Theo Báo cáo chuyên đề về giải pháp đột phá để phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực của Bộ Thông tin và Truyền thông; ước tính tỷ trọng kinh tế số trên GRDP của tỉnh đạt 9,03% và đứng vị trí thứ 26 trên toàn quốc. Về xã hội số: Toàn tỉnh Quảng Trị hiện có 86.936 hồ sơ đăng ký định danh điện tử, trong đó có 11.768 tài khoản đã được kích hoạt; tỉnh Quảng Trị có 487.083 tài khoản thanh toán đang hoạt động, tỷ lệ bình quân dân số có tài khoản thanh toán ước đạt trên 65%. Toàn tỉnh Quảng Trị có 137.428 hộ gia đình có địa chỉ số. Ngoài Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến, đến nay tỉnh Quảng Trị đã thiết lập Cổng

thông tin phản ánh hiện trường nhằm giúp người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền.

Với quyết tâm chính trị coi chuyển đổi số là nhiệm vụ tất yếu, vừa cấp bách, vừa lâu dài; phải được tiến hành khẩn trương, kiên trì, liên tục với những bước đi chắc chắn, có trọng tâm, trọng điểm, kế thừa những thành tựu phát triển khoa học công nghệ và phù hợp với thực tiễn của địa phương; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ số, nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số nhất định trong năm 2024 và những năm tiếp theo công tác chuyển đổi số ở tỉnh sẽ có chuyển biến mới, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII đề ra.

Nguồn: tuyengiao.vn

KON TUM: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÌ LỢI ÍCH NHÂN DÂN

Nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, vì lợi ích Nhân dân phục vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế, tỉnh Kon Tum đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính.

Hiệu quả từ cách làm bài bản, khoa học và vì Nhân dân

Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh Kon Tum đề ra mục tiêu tổng quát cho nhiệm kỳ 2020 - 2025 là tiếp tục xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ và hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền; bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao.

Để thực hiện mục tiêu quan trọng này, Đảng bộ tỉnh Kon Tum đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Y Ngọc cho biết, trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh đề ra, hơn 2 năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quán triệt, tích cực triển khai, cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kon Tum xác định, mục tiêu cải cách hành chính là vì lợi ích của người dân và doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Các nhiệm vụ, nội dung cải cách hành chính phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Nhờ triển khai nhiều giải pháp phù hợp, đúng đắn, với quyết tâm chính trị cao của người đứng đầu cấp ủy và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nên công tác cải cách hành chính đạt được nhiều thành tựu vượt bậc, thu hút nhiều nhà đầu tư kinh doanh. Trong đó, nổi bật là

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Kon Tum năm 2022 đạt 64,89 điểm, xếp thứ 37/63 tỉnh, thành phố, tăng 24 bậc so với năm 2021, là thứ hạng cao nhất tỉnh đạt được kể từ năm 2006. Điều này là minh chứng rõ nét nhất cho quyết tâm của tỉnh trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Theo Phó Chủ tịch Y Ngọc, công tác xúc tiến đầu tư được đổi mới với nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn như: Tập đoàn Sun Group, Công ty Intracom, Tổng Công ty Vinaconex, Vimeco, Công ty Alphanam, Công ty Vị Trí Vàng...; đã thu hút 53 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 16.226 tỷ đồng; có 985 doanh nghiệp thành lập mới (đạt 65,7% mục tiêu đến năm 2025).

Bên cạnh đó, tỉnh Kon Tum đã tổ chức sắp xếp, sáp nhập một số cơ quan, hoàn thiện dần cơ cấu tổ chức của bộ máy chính quyền tại địa phương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả (giai đoạn 2016 - 2021, giảm 11% biên chế hành chính so với năm 2015, vượt chỉ tiêu 1%). Công tác hiện đại hóa nền hành chính được tỉnh chú trọng thực hiện với hệ thống thông tin được đầu tư xây dựng để phục vụ cho công tác quản lý hành chính cũng như phục vụ người dân, tổ chức. Cụ thể, thành lập Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; trung tâm điều hành thông minh; trung tâm tích hợp dữ liệu...; hệ thống gửi, nhận văn bản điện tử của tỉnh Kon Tum được triển khai có hiệu quả đến 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện, xã. Hiện, 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính thuộc tỉnh (trừ văn bản mật) đã được gửi, nhận qua trực liên thông văn bản, nhờ đó cắt giảm được tối đa các giấy tờ hành chính, hướng tới nền hành chính không giấy tờ.

Đặc biệt, tỉnh Kon Tum coi cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm nhằm hỗ trợ Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp khi đến địa phương. Với việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, thành lập bộ phận một cửa cấp tỉnh, huyện, xã nên đã hạn chế tối đa việc người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần, nhiều đơn vị để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời, rút ngắn thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao tính công khai, minh bạch. Hiện 100% thủ tục được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, với 1.322/1.419 thủ tục cấp tỉnh; cấp huyện có 223/223 (đạt 100%); cấp xã có 100/100 (đạt 100%).

Từ đầu năm 2022, thực hiện Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg, ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”, tỉnh Kon Tum là một trong những tỉnh đi đầu thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp bưu chính công ích đảm nhận việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TP. Kon Tum thay cho công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, góp phần nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, ngành quan tâm thực hiện, tỷ lệ đơn được giải quyết đạt 98,64%...

Giải pháp nâng cao công tác cải cách hành chính

Có thể khẳng định, những thành công trên có vai trò rất lớn của người đứng đầu cấp ủy, sự đoàn kết, đồng lòng thực hiện của cả hệ thống chính trị. Trong thời gian tới, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải cách hành chính nhằm phục vụ Nhân dân và phát triển kinh tế, tỉnh Kon Tum sẽ tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về “phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh; duy trì và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).

Bên cạnh đó, tập trung huy động, khai thác các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế để đầu tư kết cấu hạ tầng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, theo dõi, đôn đốc các dự án đã thu hút đầu tư hoàn thành dự án theo tiến độ đã đăng ký. Tạo lập môi trường bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển. Khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phát triển kinh tế tăng trưởng cao và bền vững, có cơ cấu hợp lý gắn với bảo đảm an sinh xã hội.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; bởi yếu tố quan trọng và đầu tiên để thành công trong cải cách hành chính là công tác cán bộ. Tăng cường liên kết, hợp tác để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng cho yêu cầu phát triển.

Chăm lo xây dựng Đảng bộ đoàn kết, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; trọng tâm là xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn các biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của cấp ủy. Xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Nguồn: dangcongsan.vn

ĐẮK LẮK: CHUYỂN ĐỔI SỐ LÀ ĐỘNG LỰC MỚI, TÂM THỂ MỚI TRONG SỰ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

Tỉnh Đắk Lắk hướng đến mục tiêu phát triển mạng di động công nghệ 4G/5G tại khu vực thành phố, trung tâm huyện, khu vực đông dân cư, tốc độ băng rộng di động đạt trong nhóm 30 tỉnh/thành dẫn đầu cả nước.

Phấn đấu đến năm 2025, 100% thôn, buôn được phủ sóng di động băng rộng

Theo Kế hoạch số 148/KH-UBND về việc Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023 - 2025, toàn tỉnh phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động đạt 80%; tốc độ băng thông di động 40Mbps; tỷ lệ thôn, buôn được phủ sóng di động băng rộng (tính theo vùng phủ có dân cư sinh sống) đạt 100%; tỷ lệ Ủy ban nhân dân cấp xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đạt 100%. Phát triển mạng di động công nghệ 4G/5G tại khu vực thành phố, trung tâm huyện, khu vực đông dân cư, tốc độ băng rộng di động đạt trong nhóm 30 tỉnh/thành dẫn đầu cả nước.

Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân đạt 2,05%; tỷ lệ phần trăm hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 90%; tỷ lệ thôn, buôn được phủ sóng băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đạt 85%; tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây đạt 40%. Trung bình, mỗi người dân có 1 tài khoản dịch vụ điện toán đám mây hoặc dịch vụ được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây.

Bên cạnh đó, triển khai công nghệ AI, Blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số tỉnh, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị...

Tại Hội nghị sơ kết các hoạt động chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổ chức ngày 21/9, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Ra Lan Trương Thanh Hà cho biết, qua 2 năm thực hiện công tác chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Đắk Lắk đã có những bước phát triển. Tuy nhiên, chuyển đổi số vẫn là vấn đề mới, nhận thức của một số cán bộ, công chức, viên chức, người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của chương trình còn hạn chế. Lực lượng lao động được đào tạo chiếm tỷ lệ thấp, đặc biệt là nông dân và cán bộ quản lý hợp tác xã chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay. Nguồn nhân lực số, năng lực số cho chuyển đổi số chưa đáp ứng nhu cầu cả về số lượng, chất lượng. Trình độ sử dụng công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế nên việc tiếp cận, cài đặt sử dụng nền tảng số còn gặp khó khăn...

Tổ công nghệ số cộng đồng đã phủ sóng 15/15 huyện, thị xã, thành phố

Theo Kế hoạch đề ra, đến năm 2025, tỉnh Đắk Lắk phấn đấu tiếp tục xây dựng các nền tảng số, phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ; ứng dụng công nghệ số trong cơ quan nhà nước hướng tới chính quyền số phải thúc đẩy, gắn liền tiến trình cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển theo hướng bền vững phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tỉnh Đắk Lắk ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hướng đến nền kinh tế số, xã hội số, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn...

Tính đến tháng 9/2023, tại tỉnh Đắk Lắk đã có 15/15 huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định thành lập 1.426 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, buôn, tổ dân phố với 9.278 thành viên. Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ số phục vụ cho nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, phòng chống dịch, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các nền tảng số...

Hiện, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 188/188 điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet; trên 1,9 triệu người (từ 15 tuổi trở lên) có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác, đạt 139,5%; 1.678 sản phẩm trên sàn thương mại điện tử... Các cơ sở giáo dục cũng đã ứng dụng phần mềm quản lý trường vào dạy và học; trạm y tế cấp xã triển khai ứng dụng quản lý thông tin y tế; xây dựng hệ thống khám chữa bệnh từ xa, lập hồ sơ sức khỏe điện tử.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk Nguyễn Tuấn Hà nhận định, chuyển đổi số là cơ hội lớn, thời cơ để địa phương bắt kịp, đi cùng và vươn lên đưa ứng dụng khoa học công nghệ vào mọi mặt hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng. Tỉnh Đắk Lắk quyết tâm chọn chuyển đổi số là động lực mới, tâm thế mới trong sự phát triển của địa phương giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030, định hướng năm 2050.

Nguồn: phunuvietsam.vn

BÌNH DƯƠNG: MUỐN BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG LÀM 'KIẾN TRÚC SƯ' TRƯỞNG' VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO TỈNH

Chiều ngày 03/10, tại Hà Nội, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Phó Chủ tịch Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số Nguyễn Mạnh Hùng và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương Nguyễn Văn Lợi đã đồng chủ trì buổi làm việc của Bộ Thông tin và Truyền thông với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Phần lớn thời gian chương trình làm việc giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và tỉnh Bình Dương đã được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng và Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương Nguyễn Văn Lợi điều hành theo phương thức trao đổi, tháo gỡ dứt điểm từng nội dung công việc liên quan đến lĩnh vực thông tin và truyền thông mà Bình Dương đang gặp khó khăn, vướng mắc.

Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương Nguyễn Văn Lợi khẳng định, lãnh đạo tỉnh có đủ quyết tâm, tỉnh cũng có điều kiện về đầu tư hạ tầng. Tỉnh ủy Bình Dương chủ trương thành lập một Ban Chỉ đạo chung cho cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, Đề án 06, đô thị thông minh và Bí thư Tỉnh ủy được thường trực phân công trực tiếp lãnh đạo.

Là một tỉnh đang phát triển ở top đầu trong vùng, tỉnh Bình Dương cũng đã triển khai nhiều nội dung công việc về chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh... Tuy vậy, địa phương vẫn đang lúng túng trong thực hiện các công việc, không biết nên làm việc gì trước, việc gì sau và khớp nối các công việc thế nào cho hiệu quả.

Giải đáp nỗi trăn trở của lãnh đạo Bình Dương, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng đã giới thiệu dự thảo “Kế hoạch hành động chuyển đổi số địa phương

giai đoạn 2023 - 2025” do Bộ xây dựng. Tài liệu này được viết đơn giản, dễ hiểu, chỉ ra những công việc cụ thể để chuyển đổi số địa phương từ nay đến năm 2025, trong đó hướng dẫn tỉnh phải làm gì, làm như thế nào và bao giờ xong.

Cam kết chậm nhất là ngày 20/10 Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ ban hành hướng dẫn chuyển đổi số địa phương, người đứng đầu ngành Thông tin và Truyền thông cũng cho biết đây là cách làm mới của Bộ, sẽ được áp dụng cho nhiều lĩnh vực khác. “Với hướng dẫn chuyển đổi số địa phương, có khoảng 50 - 60 việc, trong đó khoảng 60 - 70% việc tỉnh không phải làm, mà được thực hiện từ trung ương và doanh nghiệp. Địa phương chỉ phải làm khoảng 30%”, Bộ trưởng thông tin.

Trong khuôn khổ Buổi làm việc, lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan tham mưu cũng thảo luận với các đơn vị của tỉnh để tìm ra hướng tháo gỡ, giải quyết một số vấn đề khác của tỉnh như có nên đầu tư xây dựng Khu Công nghệ thông tin tập trung tại tỉnh Bình Dương và quy mô của khu này thế nào là phù hợp; việc cấp phép đầu tư mạng 5G dùng riêng cho Becamex IDC phục vụ nhà máy thông minh; cách gỡ khó trong chia sẻ dữ liệu từ cơ sở chuyên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho địa phương; hay khó khăn trong đầu tư Trung tâm giám sát an ninh trật tự và an toàn giao thông của địa phương do thiếu tiêu chuẩn camera...

Qua gần 3 tiếng trao đổi, Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương Nguyễn Văn Lợi cho biết, các đơn vị của tỉnh đã ‘vỡ lẽ’ được nhiều điều. Ông đề nghị các đơn vị thời gian tới kết nối chặt chẽ với các cục, vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Một lần nữa khẳng định quyết tâm của lãnh đạo tỉnh Bình Dương trong việc xây dựng chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số và hướng tới hình thành thành phố thông minh để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, ông Nguyễn Văn Lợi bày tỏ mong muốn nhận được sự tham mưu của Bộ Thông tin và Truyền thông với vai trò như một ‘kiến trúc sư trưởng’ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho tỉnh.

“Buổi làm việc là bài học của chúng ta, cho thấy cần phải gắn kết với Bộ Thông tin và Truyền thông. Đặc biệt, các tỉnh đang phát triển như tỉnh Bình Dương, cần thiết phải có sự giúp sức của Bộ Thông tin và Truyền thông”, ông Nguyễn Văn Lợi chia sẻ.

Kết luận Buổi làm việc, Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh quan điểm khi có việc thì cần phải giải đến tận cùng. Những buổi làm việc, trao đổi 2 chiều như hôm nay, không chỉ Bộ Thông tin và Truyền thông tư vấn, hỗ trợ cho tỉnh giải quyết, tháo gỡ những khó khăn địa phương gặp phải, mà ở chiều ngược lại tỉnh cũng giúp cho các cơ quan, đơn vị của Bộ tốt hơn lên.

“Các cục, vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông khi trả lời câu hỏi, vấn đề của địa phương cũng sẽ giải lên. Các đơn vị chỉ có thể giải lên thông qua những việc cụ thể. Bản chất ở đây là sự giúp đỡ, hỗ trợ 2 chiều”, Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng nêu quan điểm.

Người đứng đầu ngành Thông tin và Truyền thông cũng chia sẻ với tỉnh Bình Dương rằng, những việc thấy khó, nghĩa là không có trong hệ tri thức của mình, vì thế không nên cố nghĩ mà cần nhanh chóng mang đi hỏi ở chỗ có kiến thức hơn. Cùng với đó, trên cơ sở hiểu rõ văn hóa Việt Nam, địa phương nên chú trọng trao đổi qua điện thoại với các cục, vụ để nắm được nhiều thông tin hơn, thay vì chỉ hỏi bằng văn bản.

Nhấn mạnh tinh thần phục vụ, hỗ trợ địa phương của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng đề nghị tỉnh Bình Dương trong quá trình triển khai công việc, khi gặp vướng mắc, muốn có ý kiến tư vấn, thẩm định thì lúc nào cũng có thể hỏi các đơn vị thuộc Bộ.

Nguồn: vietnamnet.vn

AN GIANG: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chuyển đổi số trở thành xu hướng phát triển của các quốc gia trên thế giới, trong đó Việt Nam sớm có chương trình, chiến lược về chuyển đổi số quốc gia. Cùng với cả nước, tỉnh An Giang tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số và đạt những kết quả tích cực.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025) đã xác định “Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số” và Chương trình chuyển đổi số của tỉnh được xác định là một trong 6 chương trình trọng điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

Chương trình chuyển đổi số tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng năm 2030 (Chương trình 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021) có 53 dự án, nhiệm vụ với dự toán trên 389 tỷ đồng; đến nay, có 23/53 dự án, nhiệm vụ được triển khai với tổng kinh phí trên 56 tỷ đồng. Về Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của tỉnh, năm 2020 xếp hạng 29/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (321,1 điểm); năm 2021 đứng thứ 42/63 tỉnh, thành phố (346,2 điểm); năm 2022 đứng thứ 54/63 tỉnh, thành phố (497,2 điểm).

Tuy điểm hàng năm có tăng nhưng xếp hạng giảm do các tỉnh, thành phố khác có điểm tăng cao vượt bậc. 6 tháng đầu năm 2023, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang xếp mức độ A và hạng 4/63, đây là tín hiệu tích cực...

Theo Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh An Giang thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đến tận cấp cơ sở, xã, tổ, đội. Đã thành lập 887 tổ công nghệ số cộng đồng tại 11/11 huyện, thị xã, thành phố, với 6.517 thành viên. Tổ chức tập huấn và hướng dẫn cài đặt, sử dụng các nền tảng số bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp, như: Tạo tài khoản cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt (VNPT Pay, Viettel Money...), Sổ sức khỏe điện tử, bảo hiểm xã hội (VssID)... Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, chuỗi sự kiện “Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2022”; hội thảo “Thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số”. Duy trì vận hành chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh An Giang tại địa chỉ <https://dti.angiang.gov.vn/>, góp phần giúp các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân cập nhật các thông tin về chuyển đổi số.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành quy chế vận hành các hệ thống dùng chung của tỉnh, quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ cơ quan Nhà nước. Xây dựng chính

quyền điện tử tỉnh An Giang gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng. Dự án Trung tâm Dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh được chấp thuận chủ trương đầu tư; có 8/11 huyện, thị xã, thành phố triển khai thử nghiệm IOC cấp huyện. Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh và thử nghiệm Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh... Phát triển các ứng dụng, hệ thống camera giám sát, phân tích dữ liệu giám sát an toàn, an ninh trật tự, quốc phòng - an ninh và phòng, chống tội phạm...

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu chung của ngành giáo dục (địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>) và các phần mềm quản lý khác, đảm bảo kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu chung của ngành... Lĩnh vực du lịch, đã vận hành “Không gian số tỉnh An Giang” (iSpace) góp phần tăng cường truyền thông, tạo kết nối, tương tác và trải nghiệm mới đối với các công trình kiến trúc, cảnh quan, điểm du lịch, sản phẩm, dịch vụ...

Trong nông nghiệp, nhiều mô hình ứng dụng chuyển đổi số, tạo chuyển biến từ khâu sản xuất, chế biến, đến tiêu thụ nông sản, như: Sản xuất lúa không dấu chân (sử dụng máy bay không người lái sạ lúa và phun thuốc); điều khiển trang trại gia súc, gia cầm tự động trên điện thoại thông minh; giám sát, xử lý ao nuôi cá tra bằng cảm biến...

Lĩnh vực y tế, ngày 26/1/2022, khai trương Tổng đài 1022 hỗ trợ, tư vấn F0 (mắc bệnh COVID-19) điều trị tại nhà. Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh (tại TP. Châu Đốc) là bệnh viện đầu tiên của tỉnh được Bộ Y tế công nhận triển khai thành công bệnh án điện tử. Tháng 6/2023, Trung tâm Y tế huyện Châu Phú được Bộ Y tế công nhận thực hiện bệnh án điện tử. Ngành y tế tiếp tục triển khai đăng ký khám bệnh và thanh toán không dùng tiền mặt; đang đẩy mạnh thực hiện bệnh án điện tử tại các cơ sở y tế; triển khai thí điểm Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh ngành Y tế...

Lĩnh vực tài chính - ngân hàng, nhiều ngân hàng triển khai dịch vụ ngân hàng số, như: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) với mô hình kinh doanh số (Vietcombank digital); Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) triển khai LiveBank giúp khách hàng đăng ký vân tay, nhận diện khuôn mặt và định danh điện tử (eKYC) đăng ký, đăng nhập tài khoản; Ngân hàng Quốc tế (VIB) ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn vào quy trình phát hành thẻ tín dụng dành riêng cho mua sắm trực tuyến online Plus...

Để thực hiện đạt mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Nguyễn Thị Minh Thúy, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh yêu cầu tiếp tục nêu cao quyết tâm của người đứng đầu các cấp, ngành, địa phương, đơn vị. Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, tham mưu triển khai các nhiệm vụ, đề án theo Chương trình 553/CTr-UBND. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì rà soát, hệ thống lại tất cả các nhiệm vụ liên quan chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, kể cả các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc Đề án 06/CP, chương trình cải cách hành chính và tham mưu thực hiện hiệu quả. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tiếp tục phối hợp, hỗ trợ triển khai giải pháp phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã

hội số; đặc biệt quan tâm giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp về: Thanh toán thuế điện tử, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, các ví thanh toán liên thông...

Chính quyền số giúp nền hành chính tỉnh hoạt động hiệu quả, hiệu lực, minh bạch hơn. Kinh tế số thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo ra giá trị mới, tăng năng suất lao động, tạo ra hệ sinh thái doanh nghiệp phát triển bền vững. Xã hội số giúp người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức; thu hẹp khoảng cách phát triển, giảm bất bình đẳng. Các ngành, lĩnh vực được tối ưu, thông minh hóa hướng đến nâng cao trải nghiệm và chất lượng cuộc sống.

Nguồn: baoangiang.com.vn

KIÊN GIANG: GIẢI QUYẾT TỐT 3 NHÓM VẤN ĐỀ ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Hướng tới mục tiêu Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2023 của tỉnh Kiên Giang trở lại nhóm có thứ hạng khá trong cả nước, tỉnh Kiên Giang tập trung giải quyết tốt 3 nhóm vấn đề: Cải cách hành chính, Công khai minh bạch và Trách nhiệm giải trình.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cải thiện

Báo cáo tại Hội nghị triển khai Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh (PGI) năm 2023 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang tổ chức vào ngày 25/9/2023, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Kiên Giang Quảng Xuân Lựa cho biết, Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Kiên Giang năm 2022 đạt 62,24 điểm, tăng 2,51 điểm so với năm 2021, xếp hạng 56/63 tỉnh, thành phố cả nước (tăng 4 bậc so với năm 2021). So với các tỉnh tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, xếp thứ 11/13 tỉnh, thành phố (tăng 2 bậc so với năm 2021).

Tính năng động, tiên phong trong chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội địa phương được thể hiện rõ qua việc lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã xây dựng các kịch bản để thích ứng với tình hình mới; thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tạo mọi thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, nhà đầu tư... Từ đó, góp phần đưa tỉnh Kiên Giang vào nhóm các tỉnh, thành phố có mức tăng trưởng cao trong năm 2022. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang phục hồi tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đạt và vượt 24/24 chỉ tiêu kế hoạch đề ra; GRDP bình quân đầu người đạt 66,24 triệu đồng, tăng 8% so với kế hoạch.

Mặc dù đạt được những kết quả đáng khích lệ trong việc điều hành phát triển kinh tế - xã hội, cũng là năm thứ 3 liên tiếp Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Kiên Giang tăng bậc trên bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cả nước, trong đó có một số chỉ số thành phần đạt thứ hạng tương đối cao (Chỉ số chi phí gia nhập thị trường, Chỉ số cạnh tranh bình đẳng), tuy vậy, thứ hạng cải thiện chưa nhiều.

“Với sự quyết tâm, tinh thần “nói đi đôi với làm”, sự đồng lòng của lãnh đạo các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp của tỉnh, sự hỗ trợ tích cực của Trung ương, tôi tin tưởng rằng tỉnh Kiên Giang sẽ khắc phục được những “điểm nghẽn” trong cải cách thủ tục hành

chính, tăng cường cung cấp dịch vụ công và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Qua đó, sẽ cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh”, Ông Nguyễn Thanh Nhân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhấn mạnh.

Bà Quảng Xuân Lua chỉ ra nguyên nhân làm cho thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Kiên Giang chưa cải thiện nhiều là do một số sở, ngành, địa phương còn xem nhẹ công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (cải thiện và nâng cao các chỉ số Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính), đặc biệt, đối với các sở, ban, ngành được giao chủ trì các chỉ số chiếm trọng số lớn, có điểm số giảm, có nhiều chỉ số thành phần bị xếp hạng thấp.

Bên cạnh đó, các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân vẫn chưa phát huy hết vai trò là cầu nối giữa chính quyền địa phương và doanh nghiệp; công tác phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương chưa thường xuyên trong việc phản ánh các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; phối hợp tuyên truyền về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để doanh nghiệp hiểu và đánh giá đúng trong quá trình tham gia khảo sát.

Về nguyên nhân khách quan, ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình được tham gia khảo sát có lúc, có lĩnh vực chưa phản ánh đúng so với thực tế (tính đến cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh có tổng cộng trên 11.296 doanh nghiệp đang hoạt động, nhưng số phiếu khảo sát để lấy ý kiến của doanh nghiệp, nhà đầu tư chỉ chiếm 7,4%). Do đó chưa phản ánh hết lợi thế và dư địa hiện có của tỉnh Kiên Giang.

Hơn nữa, một số doanh nghiệp, nhà đầu tư chưa thật sự quan tâm đúng mức khi tiếp nhận và cho ý kiến đối với phiếu khảo sát về chỉ số năng lực cạnh tranh. Do đó, chưa phản ánh đúng với môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh hiện có của tỉnh.

Phấn đấu trở lại nhóm tỉnh có thứ hạng khá

Hướng tới mục tiêu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023 của tỉnh phải tăng điểm, tăng hạng, trở lại nhóm các tỉnh, thành phố có thứ hạng khá của cả nước; từ đó làm tiền đề để tiếp tục phấn đấu lên nhóm các tỉnh được xếp hạng cao trong giai đoạn đến năm 2025, tỉnh Kiên Giang tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhóm giải pháp, trong đó trọng tâm là tập trung giải quyết tốt 3 nhóm vấn đề: “Cải cách hành chính”, “Công khai minh bạch” và “Trách nhiệm giải trình”.

Tại Hội nghị, đại diện lãnh đạo các sở, ngành cũng như địa phương trong tỉnh Kiên Giang cũng đã trình bày các giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023 và các năm tiếp theo.

Phó giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Trần Ngọc Tính cho biết, Sở tiếp tục nâng cao các chỉ số thành phần thuộc Chỉ số gia nhập thị trường và một số chỉ số khác thuộc chức năng của Sở. Cụ thể, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; trong đó, thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai thủ tục hành chính, nhất là thủ tục đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục theo quy định về điều kiện kinh doanh (giấy phép con). Đặc biệt, tiếp tục rút ngắn thời gian đăng

ký doanh nghiệp từ 3 ngày theo quy định xuống còn 1,5 ngày. Kết hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với một số lực vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện...

Thừa nhận một số hạn chế về Chỉ số tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất năm 2022 (doanh nghiệp gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng; thông tin, dữ liệu về đất đai chưa được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng; thủ tục hành chính còn rườm rà...), Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Phan Văn Cường cho biết, Sở khẩn trương chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm rà soát và xây dựng danh mục, kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất; xây dựng kế hoạch tạo quỹ đất sạch; tham mưu xây dựng quy chế tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phi đơn vị hành chính đối với công tác cấp đổi, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt để triển khai thực hiện...

Về giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số thành phần Tính năng động và tiên phong của chính quyền, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Rạch Giá Ngô Việt Trung nhấn mạnh, địa phương này tập trung đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, nhất là thực hiện thí điểm chuyển giao bưu điện thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp, nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn, giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, nhất là hồ sơ trên lĩnh vực đất đai, tiếp tục rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến...

Phát biểu tại Hội nghị triển khai Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Chỉ số Xanh năm 2023 của tỉnh Kiên Giang, Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Võ Tân Thành ghi nhận công tác cải thiện môi trường kinh doanh, kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Kiên Giang đã có nhiều nỗ lực đáng kể qua các năm.

Tuy nhiên, để cải thiện môi trường kinh doanh tại tỉnh theo hướng bền vững, Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề nghị tỉnh cần lưu ý các điểm số giảm điểm mạnh trong năm qua như: Chi phí thời gian (-1,09 điểm), Chi phí không chính thức (-0,74 điểm), Đào tạo lao động (-0,92) và hỗ trợ doanh nghiệp (-0,74). Theo ông Thành, đây là những chỉ số giảm điểm mạnh trong năm, ảnh hưởng đến điểm số chung Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Kiên Giang vì có trọng số cao. Đồng thời, phát huy thế mạnh của tỉnh trong thời gian qua, qua các chỉ số đã cải thiện tốt như: Tính minh bạch, Thiết chế pháp lý, Cạnh tranh bình đẳng.

Nhằm cải thiện thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh trong năm 2023 và giai đoạn đến năm 2025 theo mục tiêu đề ra, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Nguyễn Thanh Nhân đề nghị lãnh đạo các sở, ban ngành và địa phương của tỉnh cần tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm túc việc xử lý trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hướng tới mục tiêu phục vụ doanh nghiệp và người dân là trọng tâm.

Thực hiện tốt vai trò của Tổ công tác đặc biệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; Phát huy tốt hơn nữa hoạt động của Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, kết luận chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời đề xuất, biểu dương những đơn vị làm tốt; chấn chỉnh những đơn vị chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng công tác đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp, công khai kết quả xử lý sau đối thoại; tăng cường gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp theo từng lĩnh vực; theo địa bàn huyện, thành phố; theo nhóm doanh nghiệp với những vấn đề chung... Đa dạng hóa kênh thông tin phản ánh, tiếp nhận và phản hồi trong giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang giao Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, thương mại và Du lịch tỉnh làm tốt hơn nữa vai trò là cầu nối giữa tỉnh với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các tổ chức đánh giá để kịp thời nắm bắt, cập nhật những điểm mới, những điểm cần lưu ý của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số Xanh nhằm kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện.

Đồng thời, giao Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xây dựng và triển khai thực hiện đề án đối với Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ngành để đánh giá thêm chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền cấp huyện và sở, ngành trong thời gian tới.

Nguồn: baodautu.vn

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KỸ LUẬT NHÀ NƯỚC TRONG THỰC THI CÔNG VỤ Ở VIỆT NAM

Kỹ luật là yếu tố, phương tiện tạo nên sức mạnh thống nhất cũng như bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước một cách hiệu lực, hiệu quả. Bài viết đề cập một số vấn đề về nhận thức; thực trạng và các giải pháp nhằm tiếp tục tăng cường kỹ luật nhà nước trong thực thi công vụ ở Việt Nam.

Nhận thức chung về công vụ nhà nước và kỹ luật nhà nước

“Công vụ” là từ chỉ “việc công”(1). “Công” là từ được hiểu theo nhiều nghĩa, nhưng liên quan đến khái niệm “công vụ” thì từ “công” có hai nghĩa là “chung cho mọi người”, hoặc “thuộc nhà nước” và cách hiểu cũng là để phân biệt với “tư”(2). Như vậy, cách hiểu công vụ theo nghĩa “chung cho mọi người” là liên quan đến hoạt động của cả hệ thống chính trị được thực hiện bởi các chủ thể của hệ thống chính trị là các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội(3). Quan niệm công vụ như vậy được thể hiện trong Điều 2 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019): “Hoạt động công vụ của cán bộ, công chức là thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức...”, và cán bộ, công chức được hiểu là những người hoạt động trong các cơ quan, tổ chức thuộc các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị là Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội(4).

Có một cách hiểu khác hẹp hơn về công vụ chỉ liên quan đến nhà nước, đó là “công việc chủ yếu thuộc về nhà nước, do các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước tiến hành theo các quy định của pháp luật”(5). Loại công vụ này được thể hiện khái quát trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà nước trong các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đây là cách hiểu có tính phổ biến trên thế giới với hàm ý chỉ có nhà nước mới là thiết chế mang quyền lực công có tính đại diện chung, chính thức cho mọi người trong xã hội. Trong bài viết này, công vụ nhà nước gắn liền với hoạt động của cán bộ, công chức nhà nước.

Công vụ nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống xã hội gắn liền với các công việc được thực hiện qua hoạt động của thiết chế nhà nước; được quy định do vị trí, vai trò của Nhà nước trong hệ thống chính trị, đời sống chính trị. Theo nhận thức chung hiện nay, trong hệ thống chính trị nào thì nhà nước cũng là thiết chế có vị trí, vai trò trọng tâm hoặc là trung tâm(6). Về cơ bản, cùng với tính chính danh, đại diện trong cộng đồng, với các đặc trưng, sức mạnh, các điều kiện để nhà nước có khả năng tác động đến đời sống chung, sự phát triển của xã hội, các quan hệ xã hội cụ thể được pháp luật điều chỉnh có ý nghĩa cụ thể với các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân...

Đối với hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa nói chung và hệ thống chính trị Việt Nam nói riêng, vị trí, vai trò của Nhà nước được thể hiện trong các công trình nghiên cứu ở những mức độ khác nhau với sự thống nhất về cơ bản. Theo đó, trong hệ thống chính trị, Nhà nước có vị trí trung tâm, có công cụ để thực hiện quyền lực nhà nước của Nhân dân; Đảng Cộng sản là bộ phận cấu thành và là hạt nhân chính trị lãnh đạo của hệ thống chính trị, nhân tố quyết định

sự phát triển của hệ thống chính trị; các tổ chức chính trị - xã hội hỗ trợ, hậu thuẫn cho các hoạt động của Đảng, của Nhà nước, tham gia vào việc thành lập cơ quan nhà nước, các hoạt động xây dựng pháp luật, quản lý nhà nước.

Công vụ nhà nước ở Việt Nam có một số đặc điểm sau: 1) Là một bộ phận cấu thành của nền công vụ theo cách hiểu rộng. Trong mối quan hệ giữa công vụ, hoạt động công vụ nhà nước và các công vụ, hoạt động công vụ khác không thể không chú ý đến tác động lãnh đạo nền công vụ của các cơ quan, tổ chức Đảng và tác động phối hợp, phản biện, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội; 2) Công vụ nhà nước được tạo lập, vận hành trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh các yếu tố cơ bản như thượng tôn pháp luật, bảo đảm pháp chế còn là các vấn đề về sử dụng quyền lực nhà nước, dân chủ, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân...; 3) Công vụ nhà nước được tổ chức và hoạt động trong bối cảnh cải cách, xuất hiện những vấn đề mới nên cả công vụ nhà nước và kỷ luật nhà nước chưa có sự ổn định, bền vững; 4) Đối với nền chính trị một Đảng lãnh đạo ở nước ta, công vụ nhà nước phụ thuộc vào vai trò, hiệu quả lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định đối với tính chất, chất lượng và hiệu quả của nền công vụ.

Kết quả, chất lượng của mọi nền công vụ nhà nước phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: bản chất của nền công vụ, sự lựa chọn, độ nhạy cảm và thích ứng trước các nguyên tắc, vấn đề mới của công vụ và đời sống xã hội, việc tổ chức, sử dụng, kiểm soát nền công vụ, nhân lực... Bên cạnh đó, còn đòi hỏi sự thống nhất về nhận thức và ứng dụng khoa học, hiệu quả trong nền công vụ các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trong khoa học pháp lý, kỷ luật nhà nước là khái niệm được hiểu theo hai cách: thứ nhất, kỷ luật là sự áp dụng trách nhiệm kỷ luật - một hình thức của trách nhiệm pháp lý - đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước vi phạm kỷ luật. Trong nền công vụ, đó là kỷ luật áp dụng đối với cán bộ, công chức nhà nước. Đặc điểm của việc áp dụng kỷ luật nhà nước này là giữa người có thẩm quyền áp dụng biện pháp kỷ luật với người vi phạm kỷ luật có quan hệ trực thuộc về mặt tổ chức, trong một cơ quan, tổ chức nhà nước nhất định; thứ hai, kỷ luật nhà nước được quy thành việc thực hiện các quy định do nhà nước ban hành trong các văn bản quy phạm và không có tính quy phạm⁽⁷⁾. Theo nghĩa này, không chỉ đối với các cơ quan, tổ chức nhà nước mà kỷ luật của các tổ chức xã hội cũng được hiểu như vậy. Điều này thường thể hiện trong các văn bản chính trị, pháp lý của Đảng và Nhà nước khi bàn về các yêu cầu, hay đánh giá việc “chấp hành kỷ luật” trong các cơ quan, tổ chức Đảng và Nhà nước ta. Với các tổ chức khác của xã hội (ví dụ trong các tổ chức xã hội, trong trường học...) cũng sử dụng kỷ luật theo nghĩa là sự chấp hành, thực hiện quy định. Theo nghĩa đó, một số tác giả cho rằng kỷ luật là “trật tự nhất định hành vi con người theo những chuẩn mực do pháp luật, đạo đức quy định trong từng thời kỳ lịch sử...”. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam: “Theo nghĩa rộng, kỷ luật là phương thức để thực hiện một trật tự xã hội nhất định (kỷ cương)”⁽⁸⁾. Nhưng cũng có cách hiểu kỷ luật như là các quy tắc, quy phạm, là: “Tổng thể những điều quy định...”. Nhưng trong khoa học pháp lý và trong đời sống xã hội, các quy tắc, quy định không được xem là nội hàm của kỷ luật nhà nước, mà chỉ là yếu tố hướng dẫn cách ứng xử của cán

bộ, công chức, viên chức. Kỷ luật nhà nước chỉ liên quan đến việc chấp hành hay thực hiện các quy định có tính chất pháp luật.

Kỷ luật nhà nước có mối quan hệ với khái niệm pháp chế. Nếu pháp chế là khái niệm chỉ được hiểu là sự chấp hành, tuân thủ các quy phạm pháp luật thì kỷ luật nhà nước được hiểu rộng hơn. Ngoài các quy phạm pháp luật, kỷ luật nhà nước còn bao gồm việc chấp hành quy định trong các cơ quan, tổ chức của Nhà nước và các văn bản cụ thể. Mặt khác, kỷ luật nhà nước như là một cách thức thực hiện pháp chế. Kỷ luật nhà nước là khái niệm chung, bao gồm trong đó những hình thức kỷ luật được gọi theo tên các ngành luật hoặc theo các tiêu chí khác như: kỷ luật hành chính, kỷ luật tài chính; kỷ luật cán bộ nhà nước, kỷ luật công chức nhà nước...

Công vụ nhà nước phụ thuộc vào việc chấp hành kỷ luật nhà nước, cụ thể là ý thức và hành vi của cán bộ, công chức chấp hành kỷ luật - các quy định, văn bản có tính chất pháp luật. Không thể có công vụ nhà nước tốt nếu không xác lập và duy trì được kỷ luật nhà nước nghiêm minh. Vai trò của kỷ luật nhà nước thể hiện trước hết là ở phương diện thống nhất hành động của cán bộ, công chức, nhờ đó tạo ra sức mạnh của nền công vụ để thực hiện các mục tiêu chính trị của Nhà nước. Kỷ luật nhà nước là phương tiện xác lập nền công vụ có trật tự, trong đó mỗi cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, qua đó các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được thực hiện. Một khía cạnh quan trọng thể hiện sinh động vai trò của kỷ luật nhà nước trong việc thực thi và kiểm soát quyền lực nhà nước. Quyền lực trong nền công vụ nhà nước tốt phải gắn với việc duy trì kỷ luật nghiêm khắc, tự giác.

Khi đề cập vai trò của kỷ luật nhà nước cần xem xét khả năng tác động đối với hiệu lực, hiệu quả của nền công vụ. Trong mối quan hệ này, kỷ luật nhà nước sẽ tác động đến hiệu lực của nền công vụ. Điều đó thể hiện trong việc các văn bản pháp luật có được thi hành, công vụ có tác dụng trong thực tế hay không và chủ yếu nói đến tác động về “lượng” của kỷ luật nhà nước. Hiệu quả của nền công vụ nhà nước phản ánh về “chất” và được quan niệm theo cách hiểu chung về hiệu quả, theo đó hiệu quả là kết quả đạt được trong việc thực hiện mục tiêu đề ra với chi phí thấp nhất và xét trên các mặt khác nhau. Kỷ luật nhà nước hỗn loạn thì nền công vụ sẽ hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả. Nhưng hiệu quả của công vụ nhà nước ngoài ra còn cần đến nhiều yếu tố như hiểu biết và tính sáng tạo của cán bộ, công chức trong xây dựng thể chế chính trị, cách tổ chức quyền lực nhà nước, giáo dục, khoa học và công nghệ, truyền thông, tập quán, ảnh hưởng của các yếu tố quốc tế...

Thực trạng việc thực hiện kỷ luật nhà nước trong nền công vụ thời gian qua

Thực trạng của việc thực hiện kỷ luật nhà nước trong nền công vụ nhà nước có thể xem xét từ những khía cạnh khác nhau, nhưng có thể qua việc xem xét một số dấu hiệu cơ bản, có tính tổng quát: kết quả đạt được từ hoạt động công vụ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, tổ chức của Nhà nước; các đánh giá của Đảng và Nhà nước về chấp hành kỷ luật nhà nước; tình hình thực tế chấp hành kỷ luật của cán bộ, công chức, viên chức. Từ năm 1986 đến nay, quá trình đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, đồng thời cả những hạn chế trên mọi mặt của đời sống xã hội. Văn kiện của Đảng tại các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc từ đổi mới đến nay cho thấy Đảng ta đã nhiều lần đề cập một cách trực diện, trực tiếp về vấn đề kỷ luật nói chung,

kỷ luật nhà nước nói riêng. Cụ thể, khi đánh giá về các thành tựu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định là có nhiều tiến bộ, tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn và bảo đảm thực hiện đồng bộ các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong đó, đáng chú ý là hệ thống pháp luật được hoàn thiện một bước cơ bản, vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước và đời sống xã hội(9). Ví dụ, đối với cơ quan hành pháp, trong Báo cáo số 128/BC-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ “Tổng kết tổng thể về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020” cho thấy kỷ luật nhà nước trong cải cách hành chính cũng như các kết quả chấp hành kỷ luật nhà nước qua cải cách hành chính trên các mặt là rất tích cực. Theo các báo cáo hàng năm của ngành Tòa án, đặc biệt là “Báo cáo công tác Tòa án từ đầu nhiệm kỳ đến nay và năm 2018, nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới” ngày 14/01/2019 cho thấy theo tinh thần cải cách tư pháp thì ngoài các vấn đề nâng cao phẩm chất đạo đức, chuyên môn và một số vấn đề khác, kỷ luật nhà nước đối với công chức cũng được ngành đặc biệt quan tâm(10). Điều đó được thể hiện qua việc “tăng cường kỷ cương kỷ luật công vụ”, ban hành văn bản quy định trách nhiệm của người giữ các chức danh tư pháp, việc đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết khiếu nại, tố cáo...

Nhìn chung, việc giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong công tác lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện pháp luật và thực thi công vụ đã giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đúng và tốt hơn chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tạo được trật tự ổn định trong nền công vụ, bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu phát triển của đời sống xã hội. Tuy nhiên, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đánh giá: kỷ cương, phép nước có nơi còn bị xem nhẹ, xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời...(11). Theo số liệu thống kê, trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 15.920 tổ chức đảng và 47.701 đảng viên (trong đó có 23.432 cấp ủy viên). Ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 17.610 đảng viên. Riêng Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thi hành 10 tổ chức đảng và 60 đảng viên. Ủy ban Kiểm tra Trung ương thi hành kỷ luật 169 đảng viên, trong đó có 53 đảng viên là cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý(12).

Kết luận Phiên họp thứ 21 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: trong năm 2021, không vì chống dịch, việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực vẫn được Ban Chỉ đạo tiến hành quyết liệt, bài bản, ngày càng có hiệu quả hơn. Qua kiểm tra đã xử lý, kiến nghị xử lý kỷ luật nhiều cán bộ cấp cao, sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước, trong đó có 26 cán bộ diện Trung ương quản lý liên quan đến các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo. Cũng trong năm 2021, các cơ quan tố tụng cả nước đã khởi tố, điều tra 3.725 vụ với 7.066 bị can (tăng 1.186 vụ với 2.652 bị can năm 2020) về tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế...(13). Theo Báo cáo về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2022 do Bộ Công an gửi Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV, tính đến hết tháng 10/2022, số vụ phạm tội về tham nhũng và chức vụ phát hiện năm 2022 tăng 40,97% so với năm 2021.

Giải pháp tiếp tục tăng cường kỷ luật nhà nước trong thực thi công vụ

Một là, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về kỷ luật nhà nước. Thực tế cho thấy, hiện nay đang có tư duy phó mặc cho cán bộ, công chức tự điều chỉnh, hoặc đặt trọng tâm vào việc nâng cao ý thức kỷ luật nhà nước cho cán bộ, công chức thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Sự tác động đến nhận thức kỷ luật nhà nước đối với cán bộ, công chức như vậy là cần thiết, nhưng không thể giúp nâng cao được kỷ luật nhà nước một cách hiệu quả. Bởi vì, một người có thể nắm rất chắc các quy định pháp luật cũng như đòi hỏi về chấp hành kỷ luật nhà nước, nhưng lại có thể là người vô kỷ luật, lẩn tránh việc chấp hành kỷ luật hoặc chấp hành kỷ luật dưới áp lực của áp dụng các biện pháp cưỡng chế nhà nước. Do đó, các hoạt động nâng cao kỷ luật nhà nước của cán bộ, công chức cần hướng đến mục tiêu là xây dựng kỷ luật nhà nước tự giác - trở thành tiềm thức trong mỗi cán bộ, công chức.

Những vi phạm kỷ luật nhà nước diễn ra trong thời gian qua cho thấy cần phải nhận thức lại một cách nghiêm túc để xem xét, đánh giá về hiệu quả của các biện pháp nâng cao kỷ luật nhà nước đã và đang thực hiện. Trọng tâm là cần khơi dậy cho đội ngũ cán bộ, công chức có niềm vinh dự và tự hào cũng như trách nhiệm, kỷ luật thực chất, vững chắc theo tinh thần Sắc lệnh số 76/SL ngày 20/5/1950 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “Công chức Việt Nam là những công dân giữ một nhiệm vụ trong bộ máy nhà nước của chính quyền nhân dân, dưới sự lãnh đạo tối cao của Chính phủ. Vậy người công chức phải đem tất cả sức lực và tâm trí, theo đúng đường lối của Chính phủ và nhằm lợi ích của nhân dân mà làm việc. Đi đôi với nhiệm vụ trên, công chức Việt Nam cần có một địa vị xứng đáng với tài năng của mình. Địa vị ấy được đề cao trong Quy chế này”(14). Bên cạnh đó, cần có những biện pháp mang tính giáo dục, nâng cao nhận thức về chấp hành kỷ luật nhà nước của cán bộ, công chức trên tinh đồng chí, sự chân thành trong phê bình và tự phê bình, nêu gương... phù hợp với hoàn cảnh hiện nay.

Hai là, duy trì kỷ luật nhà nước bằng các biện pháp trách nhiệm pháp lý, đặc biệt là trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm hình sự. Không thể có kỷ luật nhà nước tốt nếu không áp dụng trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp vi phạm kỷ luật nhà nước. Tuy nhiên, cần nhận thức rõ trách nhiệm pháp lý chỉ là biện pháp cuối cùng khi các biện pháp bảo đảm kỷ luật nhà nước khác không được thực hiện, hoặc thực hiện không hiệu quả. Không tuyệt đối hóa vai trò hay lạm dụng biện pháp trách nhiệm pháp lý, đe dọa áp dụng hay áp dụng thực tế biện pháp trách nhiệm pháp lý đều không tốt. Sử dụng biện pháp trách nhiệm pháp lý để duy trì kỷ luật nhà nước cần bảo đảm hợp pháp, hợp lý tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm; xử lý có sự bình đẳng trong đội ngũ cán bộ, công chức và giữa cán bộ, công chức với công dân, không để tạo ra dư luận không tốt.

Ba là, đổi mới công tác bầu, bổ nhiệm, tuyển dụng và đánh giá đối với cán bộ, công chức nhà nước. Đây là những công việc có tầm quan trọng đặc biệt trong việc lựa chọn nhân sự có kỷ luật vào nền công vụ và duy trì kỷ luật nhà nước trong nền công vụ. Nếu phê chuẩn, bổ nhiệm, tuyển dụng được thực hiện một cách nghiêm túc thì đây là biện pháp rất tích cực, hiệu quả để ngăn ngừa những “mầm mống” có thể phát sinh trong nền công vụ. Ví dụ, từ việc cán bộ giữ chức vụ quan trọng trong các cơ quan nhà nước vướng vào vòng lao lý, đã có ý kiến đề nghị

xem xét lại công tác quy hoạch cán bộ, đánh giá cán bộ, công chức sau thời gian bổ nhiệm, vấn đề thi tuyển chức danh lãnh đạo. Đối với vấn đề quy hoạch cán bộ, cần triển khai trên môi trường cạnh tranh, bình đẳng để bất cứ ai (trong và ngoài quy hoạch) đều có cơ hội và luôn có lực lượng cán bộ, công chức có ý thức phấn đấu vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Trong công tác đánh giá cán bộ, công chức nói chung và công chức lãnh đạo, quản lý nói riêng, cần được đánh giá sau một thời gian bổ nhiệm và khi công chức không thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Công tác đánh giá cán bộ, công chức là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, bởi vì đây là cơ sở có tính quyết định đối với duy trì sức mạnh kỷ luật của đội ngũ CBCC. Vì vậy, cần thực hiện một cách nghiêm túc các quy định pháp luật về đánh giá. Đánh giá phải thực chất, khách quan, khoa học. Trong đánh giá cán bộ, công chức, các thủ tục đánh giá chỉ là bảo đảm cho việc đánh giá đúng và là yếu tố cần nhưng chưa đủ. Không thể lấy việc “đã thực hiện đúng quy trình” để biện minh cho các sai sót khi bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm cũng như sai sót trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Người đánh giá cán bộ, công chức phải có năng lực, có tâm trong sáng và ý thức trách nhiệm đối với nền công vụ.

Bốn là, kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật trong thực thi quyền lực nhà nước. Trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước, việc duy trì, bảo đảm kỷ luật công vụ trước hết thuộc nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm, sự nêu gương của người đứng đầu. Cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật ở các cơ quan, tổ chức theo nguyên tắc ở đâu có quyền lực nhà nước thì ở đó có kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực đó. Vì vậy, kiểm tra, giám sát cần được tiến hành không phải chỉ khi có hiện tượng vi phạm kỷ luật, có khiếu nại, tố cáo... mà có thể triển khai thường xuyên, đột xuất. Các cơ chế kiểm tra, giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước cấp trên, kiểm tra của tòa án... cần đổi mới, thực chất để nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát độc lập và phối hợp thành hệ thống đối với nền công vụ nhà nước.

Năm là, tăng cường tính dân chủ trong việc bảo đảm chấp hành kỷ luật trong công vụ nhà nước. Hiện nay, khi đánh giá về dân chủ, ngoài các chỉ số liên quan đến bầu cử, tính dân chủ trong hoạt động của chính quyền và một số yếu tố khác, sự tham gia của người dân, việc thực hiện các quyền dân chủ của công dân là những chỉ số cơ bản đánh giá về nền dân chủ, gắn kết với vấn đề nhà nước. Mỗi quan hệ giữa Nhà nước với Nhân dân được xác định rõ tại Khoản 1 Điều 2 Hiến pháp năm 2013: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”. Trên thực tế, dân chủ đã tác động mạnh đến Nhà nước, nền công vụ cũng như kỷ luật nhà nước. Tuy nhiên, chúng ta chưa sử dụng được hết sức mạnh của Nhân dân trong việc bảo đảm kỷ luật nhà nước trong nền công vụ. Ví dụ, kết quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiện nay còn hạn chế, hiện tượng tham nhũng tiếp diễn phức tạp, thậm chí ngang nhiên là do tinh thần, sự tham gia của người dân vào quá trình này còn hạn chế. Thể hiện ở việc họ không dám có ý kiến, hoặc dè dặt, lo bị trả thù trong việc tố cáo hành vi tham nhũng; một bộ phận cán bộ, công chức thờ ơ, lợi ích nhóm hay vì lý do nào khác đã không xem xét những phát hiện của người dân về hiện tượng tham nhũng, tiêu cực...

Dân chủ là lực lượng, sức mạnh có tính chất quyết định bản chất và vận hành của bộ máy nhà nước, kỷ luật nhà nước. Trong xã hội dân chủ ngày càng mở rộng và phát triển theo chiều

sâu thì vai trò, đòi hỏi của người dân đối với việc chấp hành kỷ luật nhà nước của cán bộ, công chức ngày càng lớn. Vấn đề là cần có cơ chế và môi trường tốt để sử dụng hiệu quả sức mạnh và trí tuệ của Nhân dân trong việc chủ động, tích cực tham gia vào xây dựng nền công vụ. Đó cũng là yêu cầu của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

PGS. TS. Vũ Thư, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

- (1), (2) Viện Ngôn ngữ học, Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, 2002, tr.211, tr.206
- (3), (5) Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Từ điển Bách khoa Việt Nam, Tập1, Nxb Từ điển bách khoa, 2007, tr.746, tr.746.
- (4) Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008.
- (6) Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật hiến pháp Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, H.2010, tr.146-147.
- (7) Viện Hàn lâm khoa học xã hội Liên Xô (Bộ môn Xây dựng Nhà nước Xô-viết và pháp quyền), Những nguyên lý xây dựng Nhà nước Xô - viết và pháp quyền, Nxb Sách giáo khoa học Mác-Lênin, H.1986, tr.113-114.
- (8) Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, tập 2, Nxb Từ điển Bách khoa, H.2007, tr.548-549.
- (9), (10) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2021, tr.71-73, tr.89.
- (11) Tòa án nhân dân tối cao, “Báo cáo tóm tắt công tác Tòa án từ đầu nhiệm kỳ đến nay và năm 2018, nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới”, ngày 14/01/2019, tr.3.
- (12) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2021, tr.200.
- (13) Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Phiên họp thứ 21 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (baochinhphu.vn).
- (14) Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Sắc lệnh số 76/SL ngày 20/5/1950 về ban hành Quy chế công chức Việt Nam.

CHÍNH PHỦ ĐÃ BAN HÀNH 42 NGHỊ ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Từ khi Luật Cán bộ, Công chức có hiệu lực đến nay, Chính phủ đã ban hành 42 nghị định liên quan đến quản lý cán bộ, công chức để triển khai thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ.

Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý cán bộ, công chức là nội dung và yêu cầu có tính quyết định; công tác xây dựng thể chế là nhiệm vụ quan trọng nhất của Chính phủ. Vì vậy, Chính phủ luôn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao và ưu tiên trong công tác xây dựng thể chế, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt.

Trong xây dựng thể chế về quản lý cán bộ, công chức, Chính phủ luôn quán triệt nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng về công tác cán bộ; thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng thành văn bản quy phạm pháp luật; tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức; đẩy mạnh thực hiện việc phân cấp, ủy quyền gắn với kiểm soát quyền lực.

Đồng thời, tạo cơ chế liên thông trong công tác cán bộ, phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức chất lượng, hiệu quả; kế thừa, phát triển các quy định hiện hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định có liên quan; tiếp tục thực hiện chủ trương cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính và đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức; giải quyết những bất cập, vướng mắc từ thực tiễn.

Căn cứ các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 26-NQ/TW, Luật Cán bộ, Công chức, Nghị quyết số 50/NQ-CP (ban hành Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng), Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng trình Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản, đề án.

Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức; trình Quốc hội quy định về thời hiệu kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm đồng bộ với quy định của Đảng (tại Mục 5 Nghị quyết số 76/2022/QH15 về Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV).

Từ khi Luật Cán bộ, Công chức có hiệu lực (năm 2010) đến nay, Chính phủ đã ban hành 42 nghị định liên quan đến quản lý cán bộ, công chức để triển khai thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền 19 thông tư hướng dẫn. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý cán bộ, công chức theo thẩm quyền.

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 4 quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2023; Đề án Chương trình Quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030; Đề án Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023 - 2025 và Chiến lược Quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

Căn cứ Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, chủ trương của Đảng, Nghị quyết số 76/2022/QH15 của Quốc hội, Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ nghiên cứu, rà soát Luật Cán bộ, Công chức, Luật Viên chức và các luật có liên quan để báo cáo Chính phủ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào tháng 12/2023, trên cơ sở đó báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội để sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

Tập trung nghiên cứu, tiếp tục quy định, làm rõ hơn chính sách ưu đãi để phát hiện, thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị. Hoàn thiện cơ chế lựa chọn, đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Cùng với đó, sửa đổi, bổ sung các quy định về vị trí việc làm của hệ thống chính trị làm cơ sở xác định biên chế của từng cơ quan, đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn, gắn với đánh giá thực chất, xếp loại chính xác cán bộ, công chức. Sửa đổi các quy định về thẩm quyền quản lý biên chế phù hợp với quy định của Đảng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện pháp luật và thực thi công vụ; hoàn thiện cơ chế liên thông đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Trên cơ sở quy định của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ (Quy định số 50-QĐ/TW), hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành các quy định, kế hoạch về công tác quy hoạch cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất phát từ tình hình thực tế đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp. Đồng thời, gắn kết chặt chẽ với các khâu khác trong công tác cán bộ, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền, nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch.

Nguồn: vietnamplus.vn/ttxvn

CẬP BÁCH CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng, việc thực hiện chế độ tiền lương mới là công việc cần thiết và đúng đắn. Chính phủ sẽ trình Trung ương, Quốc hội việc thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW kể từ ngày 01/7/2024.

Tập trung nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương

Phát biểu khai mạc Hội nghị Trung ương 8 ngày 02/10, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đề cập một số ý kiến có tính chất gợi mở, nêu nhiều vấn đề về kinh tế, xã hội... để hội nghị nghiên cứu, thảo luận, xem xét, quyết định. Tổng Bí thư nhấn mạnh cần xác định mục tiêu tổng quát, quan trọng và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu những tháng còn lại của năm 2023 và năm 2024, trong đó có sự cần thiết, đúng đắn của việc thực hiện chế độ tiền lương mới từ ngày 01/7/2024.

Nghị quyết số 27-NQ/TW đã đặt mục tiêu cải cách tiền lương cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp từ ngày 01/7/2021. Hai năm qua, do nhiều tác động bất lợi, đặc biệt là đại dịch COVID-19, lộ trình cải cách đồng bộ chính sách tiền lương đến nay chưa được thực hiện.

Mới đây, Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, hoàn thiện dự thảo báo cáo trình Quốc hội về lộ trình và phương án cải cách tiền lương. Hiện, ngân sách đã tiết kiệm được 500.000 tỷ đồng để chuẩn bị cải cách tiền lương trong ba năm tới, từ 2024 đến 2026.

Để chuẩn bị cho lộ trình cải cách tiền lương, từ đầu năm 2023, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương sớm hoàn thành việc xác định vị trí việc làm và mô tả khung năng lực vị trí việc làm, để trả lương theo vị trí công tác. Đồng thời, xây dựng lộ trình cải cách tiền lương từ năm 2024.

Nghị quyết kỳ họp thứ 5 (6/2023), Quốc hội yêu cầu Chính phủ tập trung nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương, báo cáo lộ trình cải cách chính sách tiền lương tại kỳ họp thứ 6, dự kiến diễn ra tháng 10/2023.

Lộ trình cải cách tiền lương từ Nghị quyết số 27-NQ/TW

Nước ta đã có 4 lần cải cách tiền lương vào các năm 1960, 1985, 1993, 2003. Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành ngày 21/5/2018 là một nghị quyết về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Nghị quyết nêu rõ: Chính sách tiền lương là một chính sách đặc biệt quan trọng của hệ thống chính sách kinh tế - xã hội. Tiền lương phải thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương; trả lương đúng là đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội; thúc đẩy, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững.

Nghị quyết chỉ rõ, chính sách tiền lương vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập khi tiền lương trong khu vực công còn phức tạp, thiết kế hệ thống bảng lương chưa phù hợp với vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; còn mang nặng tính bình quân, không bảo đảm được cuộc sống, chưa phát huy được nhân tài, chưa tạo được động lực để nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc của người lao động. Quy định mức lương cơ sở nhân với hệ số không thể hiện rõ giá trị thực của tiền lương. Có quá nhiều loại phụ cấp, nhiều khoản thu nhập ngoài

lượng do nhiều cơ quan, nhiều cấp quyết định bằng các văn bản quy định khác nhau làm phát sinh những bất hợp lý, không thể hiện rõ thứ bậc hành chính trong hoạt động công vụ...

Chính vì vậy, cải cách tiền lương là yêu cầu khách quan, là nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi quyết tâm chính trị cao trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa...; thúc đẩy cải cách hành chính; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập...

Nghị quyết số 27-NQ/TW có những điểm đổi mới rất nổi bật: Tiếp tục tăng lương cơ sở, tăng lương tối thiểu vùng; từ năm 2021, lương Nhà nước bằng lương doanh nghiệp; đến năm 2025, tiền lương thấp nhất của cán bộ, công chức cao hơn mức lương thấp nhất bình quân các vùng của khu vực doanh nghiệp; đến năm 2030, tiền lương thấp nhất của cán bộ, công chức bằng hoặc cao hơn mức lương thấp nhất của vùng cao nhất của khu vực doanh nghiệp. Điểm nổi bật quan trọng là xây dựng 5 bảng lương mới theo chức vụ, vị trí việc làm; bổ sung tiền thưởng trong cơ cấu tiền lương...

Lộ trình cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW là vậy nhưng do ảnh hưởng của COVID-19 nên lộ trình cải cách tiền lương đã bị trì hoãn nhiều năm, chỉ thực hiện việc tăng lương cơ sở từ ngày 01/7/2023 từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng/tháng - tương đương với 20,8%, nhằm giảm bớt khó khăn cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, đồng thời điều chỉnh lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công.

Thực hiện chính sách tiền lương mới từ ngày 01/7/2024

Ngày 30/9, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ ký báo cáo gửi Quốc hội về công tác quản lý cán bộ, công chức, trong đó có báo cáo về việc thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW. Theo đó, Chính phủ đã ban hành nghị quyết, giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan xây dựng 6 nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới theo chức vụ, chức danh, vị trí việc làm. Đồng thời, gắn với lộ trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các giải pháp tài chính tạo nguồn cho cải cách tiền lương.

Chính phủ sẽ trình Trung ương, Quốc hội việc thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27 kể từ ngày 01/7/2024.

Nêu một số nguyên nhân về công tác quản lý cán bộ, báo cáo chỉ ra những tồn tại như chưa có nhiều cơ chế, chính sách để thu hút, trọng dụng người có tài năng trong hoạt động công vụ. Đổi mới cơ chế quản lý công chức theo vị trí việc làm còn chậm, chưa đồng bộ. Trong số các nguyên nhân chủ quan, báo cáo đánh giá tiền lương và thu nhập của cán bộ, công chức còn thấp, chưa thực sự tạo động lực, khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức tâm huyết, toàn tâm toàn ý cống hiến trong quá trình thực thi công vụ...

Trong báo cáo này, Bộ Nội vụ cho biết dự kiến đến Quý IV/2023, Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ, ngành, địa phương phê duyệt vị trí việc làm của công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, hướng đến trả lương, tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đánh giá, quy hoạch cán bộ, công chức vị trí việc làm.

Từ năm 2000, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức để làm căn cứ xác định vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức. Trên cơ sở này, Bộ Nội vụ đã xây dựng 6 nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới theo chức vụ, chức danh, vị trí việc làm theo quy định của Chính phủ đã ban hành. Theo Bộ Nội vụ, có 861 vị trí việc làm cán bộ, công chức, trong đó nhóm lãnh đạo, quản lý có 137 vị trí; nhóm công chức nghiệp vụ chuyên ngành 665 vị trí; nhóm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung 37 vị trí; nhóm hỗ trợ, phục vụ 22 vị trí. Cán bộ, công chức cấp xã có 17 vị trí, trong đó 11 vị trí cán bộ chuyên trách, 6 vị trí công chức xã. Đến nay, 16/20 Bộ, ngành ban hành vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành.

Tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV vừa qua, đề cập thực trạng lương công chức, viên chức không đủ sống, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính Ngân sách Vũ Thị Lưu Mai nhận xét: Một sinh viên mới ra trường có mức lương khoảng hơn 3,4 triệu đồng/tháng. Hơn nữa, lương trung bình một công chức nước ta khoảng 10 triệu đồng/tháng. Mức lương này cách khá xa so với các quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan 56,7 triệu đồng, Malaysia 29 triệu và Campuchia 17 triệu.

Cũng tại kỳ họp Quốc hội vừa rồi, Đại biểu Nguyễn Thiện Nhân (Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hồ Chí Minh) phát biểu, nguyên tắc trả lương phải bảo đảm người đi làm ngoài nuôi mình cần nuôi được gần thêm một người để họ còn nuôi con, cha mẹ mình. Ý kiến đó rất đáng suy nghĩ và hy vọng với việc thực hiện quyết liệt cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW với những phương pháp mới, đặc biệt trả lương theo chức vụ, chức danh, vị trí việc làm (theo cách mô tả công việc) theo quy định của Chính phủ, tiền lương cán bộ, công chức, viên chức sẽ được nâng lên phù hợp. Một khi lương cán bộ, công chức, viên chức được trả đúng, đủ, lương trở thành nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương, cũng chính là đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động.

Lương tối thiểu Việt Nam xếp thứ 159/167 quốc gia

Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã yêu cầu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất việc tăng lương tối thiểu cho công nhân lao động, báo cáo cấp có thẩm quyền. Mức lương tối thiểu là mức lương thấp nhất được trả cho người lao động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường, nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Mức lương này được xác lập theo vùng và được Chính phủ công bố dựa trên khuyến nghị của Hội đồng Tiền lương Quốc gia. Từ năm 2014 đến nay, lương tối thiểu trải qua 8 lần điều chỉnh, với mức tăng như sau: 15,2% (năm 2014); 14,2% (năm 2015); 12,4% (năm 2016); 7,3% (năm 2017); 6,5% (năm 2018); 5,3% (năm 2019); 5,5% (từ năm 2020 đến tháng 6/2022); 6% từ tháng 7/2022 đến nay.

Hiện, lương tối thiểu tháng đang được áp dụng tại 4 vùng như sau: Vùng 1 là 4,68 triệu đồng/tháng; vùng 2 là 4,16 triệu đồng/tháng; vùng 3 là 3,64 triệu đồng/tháng và vùng 4 là 3,25 triệu đồng/tháng. Dữ liệu từ Picodi công bố mới đây, Việt Nam đứng thứ 159/167 quốc gia được khảo sát với mức lương tối thiểu 162 USD/tháng. Lương tối thiểu được hiểu là một mức

thu nhập cơ bản cho người lao động tại một quốc gia/vùng lãnh thổ. Về mặt lý thuyết, mức lương này đủ để bảo đảm các nhu cầu tối thiểu như thực phẩm và nhà ở cho người lao động.

Nguồn: *congan.com.vn*

'KHÔNG CÓ CHUYỆN NGƯỜI DÂN MUỐN GẶP LÃNH ĐẠO THÌ PHẢI LÀM ĐƠN'

Chiều ngày 03/10, Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hồ Chí Minh đơn vị 2 gồm Đại biểu Đỗ Đức Hiền, Ủy viên Thường trực Ủy ban Tư pháp của Quốc hội và Đại biểu Trần Kim Yên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hồ Chí Minh đã tiếp tục có buổi tiếp xúc với cử tri quận Bình Thạnh, trước kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV.

Tại buổi tiếp xúc, các vấn đề về tài sản công, sắp xếp khu phố, ấp, cải cách hành chính... được nhiều cử tri nêu ý kiến.

Kỹ thuật số mà dân phải khai... quá trời quá đất

Cử tri Nguyễn Đình Cường, phường 25, cho rằng việc sắp xếp khu phố, ấp là chủ trương rất lớn, Trung ương và TP. Hồ Chí Minh cần nghiên cứu chặt chẽ. Ông đề xuất việc này cần thực hiện theo lộ trình, thí điểm chứ không thể làm đại trà được.

Cử tri Cường cho rằng việc chọn lựa bí thư chi bộ, trưởng khu ấp là việc khó, và đề xuất trong năm thành phần cốt cán của khu phố cần cơ cấu một cán bộ công an.

“Tôi thấy thương lãnh đạo thành phố, quận, phường vì lúc này các đồng chí vừa tập trung sức lực để thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15, vừa thực hiện các chủ trương sắp xếp này. Như vậy, dòn không biết bao nhiêu công việc...” - cử tri Nguyễn Đình Cường chia sẻ.

Cử tri Cường cũng cho rằng hiện nay từ thành phố đến phường đều kêu gọi chuyển đổi số, chính quyền số, làm sao để thủ tục ngắn gọn, có lợi cho người dân nhưng nhiều lĩnh vực còn yêu cầu người dân phải “khai quá trời quá đất”, trình nhiều giấy tờ.

“Ngay cả đơn vị cấp nước cũng bắt khai thông tin, tôi hỏi thì được cho biết là khai vậy để lưu, như thế là lưu văn bản giấy... thời đại 4.0 mà” - cử tri Cường nói thêm.

Cử tri Nguyễn Thị Minh Sáu, phường 17, nhìn nhận công tác cải cách hành chính của TP. Hồ Chí Minh hiện rất tốt nhưng đâu đó vẫn có những việc rất khó giải quyết. “Đơn cử, khi gặp lãnh đạo mà người dân làm đơn thì có phải cải cách hành chính không, làm người dân chờ không biết bao lâu nữa...” - bà Sáu phản ánh.

Gặp lãnh đạo phải có đơn là việc 'choáng váng'

Trao đổi với cử tri, ông Hồ Phương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, đã hỏi cử tri Minh Sáu về phản ánh muốn gặp lãnh đạo phải làm đơn xảy ra ở đâu.

Ông Phương cho biết việc gặp lãnh đạo mà phải có đơn là “choáng váng”. Theo ông Phương, người dân phải “xin” để gặp lãnh đạo là sai, cần xử lý, chấn chỉnh ngay.

“Tiếp công dân phải có lịch, ai tiếp ngày nào, giờ nào cụ thể. Người dân đến không cần đem gì đến cũng được, chứ nói gì phải cần đơn” - ông Phương nói.

Đại biểu Quốc hội Trần Kim Yến khẳng định không có chuyện người dân muốn gặp lãnh đạo thì phải làm đơn. Bà cho biết nguyên tắc của việc tiếp công dân là trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị và mỗi tuần đều phải có lịch tiếp công dân.

Đại biểu Yến đề nghị tổ thư ký cần ghi nhận lại địa chỉ cụ thể để có phản ánh đúng nơi.

Đi sâu vào công tác cải cách hành chính, Đại biểu Đỗ Đức Hiền nhìn nhận vừa qua cử tri phản khởi trước những kết quả đạt được khi các cơ quan đã đơn giản hóa nhiều thủ tục. Một việc đơn giản như trước đây khi muốn giải quyết công việc phải dùng đơn thì hiện nay hầu hết đã được thay bằng phiếu yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính.

“Điều này thể hiện quyền của người dân trong yêu cầu cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của mình. Đây là chuyển đổi rất lớn trong nhận thức” – Đại biểu Hiền nói.

Đại biểu Hiền cũng nhìn nhận đúng như cử tri phản ánh hiện nay trong một số trường hợp người dân còn phải kê khai, nộp nhiều giấy tờ khi giải quyết thủ tục hành chính. Còn tình trạng này là bởi hiện cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và việc liên thông với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

Thời gian tới, nếu việc này được thực hiện tốt sẽ giảm bớt việc xuất trình giấy tờ, thông tin cá nhân của người dân.

Đại biểu Đỗ Đức Hiền cũng ghi nhận vấn đề này và sẽ có kiến nghị đến các cơ quan có liên quan rà soát, với tinh thần hạn chế phát sinh thêm thủ tục không cần thiết gây khó khăn cho người dân.

Sắp xếp khu phố, ấp sẽ ít ảnh hưởng đến giao dịch

Về sắp xếp khu phố, ấp, Đại biểu Trần Kim Yến cho biết TP. Hồ Chí Minh có đặc điểm rất riêng so với cả nước là dưới khu phố, ấp còn có tổ dân phố, tổ nhân dân và việc này đã áp dụng hơn 40 năm qua. Do đó, trên tinh thần bây giờ thành phố phải thực hiện đúng quy định.

Theo Đại biểu Yến, việc sắp xếp này cần có lộ trình thực hiện, đảm bảo hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến đời sống người dân. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận việc này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến các giao dịch của người dân vì thông thường các giao dịch cần khai báo số nhà, tên đường, phường, quận, huyện, thành phố.

Theo lộ trình việc sắp xếp khu phố, ấp sẽ phân đầu hoàn thành vào tháng 02/2024 và việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được thực hiện đến cuối năm 2024.

Nguồn: plo.vn

BỘ CHÍNH TRỊ:

KẾT LUẬN VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Ngày 02/10/2023, Thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Trương Thị Mai, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương ký Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ xin trân trọng giới thiệu toàn văn Kết luận.

Xem xét báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về "Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập" (gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Thời gian qua, các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đạt được một số kết quả tích cực, góp phần bảo đảm an sinh, thực hiện mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội. Các đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp, tổ chức lại, tinh giản đầu mối và biên chế, tăng tính tự chủ, công khai, minh bạch; phát huy được vai trò chủ đạo, nâng cao chất lượng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo; kết quả thực hiện chủ trương xã hội hoá đã góp phần tăng thêm nguồn lực, giảm áp lực cho các đơn vị sự nghiệp công lập, từng bước hình thành thị trường dịch vụ sự nghiệp công lành mạnh.

Bên cạnh đó, còn một số hạn chế, yếu kém đó là, chưa thể chế hoá kịp thời, đầy đủ, đồng bộ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là về tổ chức bộ máy, chế độ, chính sách đối với đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp; cơ chế tự chủ tài chính; định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở để định giá dịch vụ sự nghiệp công; trách nhiệm công khai, minh bạch, giải trình. Một số nơi sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế còn máy móc, cào bằng, chưa gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức. Hiệu quả hoạt động của nhiều đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp chưa đáp ứng yêu cầu. Chính sách xã hội hoá chưa thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được quan tâm đúng mức, một số cá nhân, đơn vị còn vi phạm pháp luật.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do nhận thức, trách nhiệm của một bộ phận cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu chưa sâu sắc, chưa quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết 19; công tác tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra chưa thường xuyên; một số nơi còn thụ động, tư tưởng bao cấp, ỷ lại Nhà nước còn

phổ biến; chưa phát huy được vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

2. Để tiếp tục thực hiện nghiêm quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và đổi mới căn bản, toàn diện, đồng bộ hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

2.1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan chức năng, đơn vị sự nghiệp công lập và nhân dân, nhất là người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo, quản lý, tạo sự thống nhất, đồng thuận, quyết tâm cao để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW. Kịp thời phát hiện, nhân rộng mô hình đơn vị sự nghiệp công lập điển hình, có cách làm năng động, sáng tạo, hiệu quả; khen thưởng, biểu dương tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; kiểm điểm tổ chức, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.2. Quan tâm rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật, bảo đảm khuôn khổ pháp lý đầy đủ, đồng bộ, khả thi, đáp ứng yêu cầu thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW gắn với các chủ trương của Đảng có liên quan, nhất là về tổ chức bộ máy, tiêu chí và điều kiện sắp xếp, nhân lực và cơ cấu đội ngũ, chế độ, chính sách, chú trọng chính sách thu hút nhân tài, người có chuyên môn nghiệp vụ giỏi; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chính sách tiền lương phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực sự nghiệp; định mức kinh tế - kỹ thuật để định giá từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công, hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công, xác định rõ chính sách phúc lợi, chính sách an sinh trong giá dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế kiểm tra, kiểm soát, giám sát, quản trị theo hướng tăng cường dân chủ, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; hoạt động kiểm định, định giá, đánh giá độc lập chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; chính sách xã hội hoá phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước. Nghiên cứu xây dựng, ban hành văn bản pháp luật điều chỉnh chung đối với đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

2.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng độ bao phủ, nâng cao chất lượng, góp phần bảo đảm an sinh, tiến bộ và công bằng xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân. Tiếp tục tăng ngân sách nhà nước và đổi mới việc phân bổ theo hướng tập trung cho dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, thực hiện nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước; cho địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đối tượng chính sách, người gặp khó khăn trong cuộc sống, đồng thời đẩy mạnh cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Phân cấp, phân quyền cụ thể, rành mạch giữa Trung ương và địa phương, giữa cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính. Nâng cao năng lực quản lý, tinh thần trách nhiệm, gương mẫu của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, gắn quyền hạn với trách nhiệm, quyền lợi với hiệu quả công việc.

2.4. Trên cơ sở xác định các dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; điều kiện, khả năng và mức độ tự chủ của các đơn vị để xây dựng kế hoạch, lộ trình tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập từ nay đến năm 2030 theo mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW. Các đơn vị sau sắp xếp phải có tổ chức bộ máy phù hợp, cơ cấu đội ngũ cán bộ, viên chức gắn với vị trí việc làm; phương thức quản lý theo hướng tiên tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - công nghệ; hiệu quả hoạt động được đánh giá dựa trên sản phẩm, kết quả công việc. Bảo đảm xuyên suốt việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, nhất là dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho nhân dân, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; tạo thuận lợi cho nhân dân trong tiếp cận dịch vụ sự nghiệp công.

Tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ; chính sách thí điểm xã hội hoá các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông; thi tuyển và thuê giám đốc điều hành đơn vị sự nghiệp công lập.

2.5. Nâng cao hiệu quả thực hiện chủ trương xã hội hoá, nhất là chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, phí, tín dụng, thu hút đầu tư đối với dịch vụ sự nghiệp công; các chính sách xã hội hoá phải sát với thực tiễn, khả thi, bình đẳng để phát triển nhanh các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, khoa học - công nghệ ở những nơi có đủ điều kiện, các thành phố, đô thị lớn có dân số tăng nhanh; hoàn thành việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ bệnh viện và trường học).

Phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội, hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân trong thực hiện Nghị quyết 19, nhất là điều kiện tiếp cận và chất lượng cung ứng dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập.

3. Tổ chức thực hiện

Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ, tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương nghiêm túc quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận này; xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; lồng ghép việc thực hiện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật có liên quan.

Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Kết luận này; sơ kết, tổng kết mô hình thí điểm; sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản pháp luật theo thẩm quyền.

Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện Nghị quyết 19 và Kết luận này.

Nguồn: Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 29/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2023/NĐ-CP quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.**

Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; viên chức quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ (sau đây gọi là cán bộ) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nghị định nêu rõ nguyên tắc khuyến khích, bảo vệ cán bộ. Cụ thể, cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung phải được khuyến khích, bảo vệ.

Khuyến khích, bảo vệ cán bộ có đề xuất đổi mới, sáng tạo được cơ quan sử dụng cán bộ xem xét, quyết định cho thực hiện trong phạm vi thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật, bảo đảm không trái quy định của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan nhà nước cấp trên và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Cán bộ có đề xuất đổi mới, sáng tạo được cơ quan sử dụng cán bộ xem xét, quyết định cho thực hiện, có kết quả đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị được ghi nhận, tôn vinh, khen thưởng xứng đáng. Cơ quan sử dụng cán bộ báo cáo, xin ý kiến cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp trước khi phê duyệt và đánh giá kết quả thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo.

Việc khuyến khích và bảo vệ cán bộ phải được thực hiện kịp thời, dân chủ, công khai, minh bạch; đúng đối tượng, trình tự, thủ tục theo quy định và pháp luật có liên quan. Cơ quan, người có thẩm quyền phải kịp thời xem xét, đánh giá kết quả thực hiện, xác định rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá khách quan, toàn diện đối với việc đề xuất và thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo. Cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung có thể không bị xử lý trách nhiệm, được loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định.

Điều kiện áp dụng chính sách

Nghị định quy định, chính sách khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo được áp dụng khi nội dung đề xuất đổi mới, sáng tạo phải đáp ứng các điều kiện sau: Có khả năng tháo gỡ, giải quyết điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và giải quyết hiệu quả vấn đề được đề xuất.

Vì lợi ích chung, đem lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo chuyển biến, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của đất nước, địa phương, cơ quan, đơn vị. Xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn; không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; không làm

ảnh hưởng đến sự phát triển của địa phương, cơ quan, đơn vị khác. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin.

Biện pháp bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo quy định tại Nghị định này được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo được cơ quan sử dụng cán bộ đánh giá là hoàn thành theo quy định tại Điều 18 Nghị định này; b) Thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo mà không hoàn thành hoặc chỉ hoàn thành một phần mục tiêu đề ra, gây ra thiệt hại nhưng được cơ quan sử dụng cán bộ xem xét, đánh giá đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung.

Không được lợi dụng chính sách để bao che tham nhũng

Nghị định quy định những việc cơ quan, tổ chức, cán bộ và cá nhân không được làm trong khuyến khích, bảo vệ cán bộ: Lợi dụng chính sách, biện pháp khuyến khích, bảo vệ cán bộ để thực hiện hoặc bao che hành vi tham nhũng, tiêu cực, trục lợi, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước hoặc làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, tác động tiêu cực đến đời sống nhân dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Cản trở, gây khó khăn, xúc phạm danh dự, nhân phẩm cán bộ năng động, sáng tạo, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình đề xuất, thực hiện, hoàn thành đề xuất vì lợi ích chung. Né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong trình tự, thủ tục phê duyệt và triển khai thực hiện các đề xuất đổi mới, sáng tạo.

Không chấp hành sự phân công của cơ quan, tổ chức về việc giao thực hiện đề xuất; thực hiện không đúng đề xuất được cơ quan sử dụng cán bộ quyết định cho thực hiện; không chấp hành chỉ đạo của cơ quan sử dụng cán bộ về việc tiếp tục, dừng hoặc chấm dứt thực hiện đề xuất; lợi dụng việc thực hiện đề xuất để né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ khác được giao theo quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan.

Xử lý trách nhiệm đối với cán bộ năng động, sáng tạo, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình đề xuất, thực hiện đề xuất đã được đánh giá là hoàn thành quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Chính sách khuyến khích cán bộ

Nghị định nêu rõ, cán bộ đề xuất đổi mới, sáng tạo, cá nhân, tổ chức thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo, cơ quan và người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này được khuyến khích bằng các hình thức sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan: Tuyên dương, biểu dương trước tập thể cơ quan, đơn vị; được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng đối với những đề xuất được đánh giá là hoàn thành.

Được lấy làm căn cứ để đánh giá trước khi xếp loại, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động, luân chuyển theo hướng ưu tiên bố trí, sử dụng cán bộ có tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả cao. Được đánh giá là có thành tích xuất sắc trong hoạt động công vụ để xét nâng ngạch công chức; được xét nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng theo quy định của pháp luật đối với những đề xuất đổi mới, sáng tạo được đánh giá là hoàn thành. Được

động viên, khuyến khích bằng các hình thức khác phù hợp với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Cán bộ, cá nhân, tổ chức thực hiện đề xuất, tùy trường hợp cụ thể được cơ quan sử dụng cán bộ bố trí kịp thời trang thiết bị, phương tiện làm việc, con người, kinh phí bảo đảm thực hiện đề xuất đã được phê duyệt.

Biện pháp bảo vệ

Cán bộ thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định này thì không bị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan.

Cán bộ thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo mà không hoàn thành hoặc chỉ hoàn thành một phần mục tiêu đề ra nhưng được cơ quan sử dụng cán bộ xem xét, đánh giá đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị định này thì được loại trừ trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan.

Cán bộ thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo mà không hoàn thành hoặc chỉ hoàn thành một phần mục tiêu đề ra và gây ra thiệt hại nhưng được cơ quan sử dụng cán bộ xem xét, đánh giá đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị định này thì được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan và người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ quyết định cho phép thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo phải kịp thời xem xét, đánh giá kết quả thực hiện, xác định rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá khách quan, toàn diện đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Nghị định này.

Cơ quan và người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ quyết định cho phép thực hiện và đánh giá kết quả đề xuất đổi mới, sáng tạo được áp dụng các biện pháp bảo vệ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Nghị định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 26/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.**

Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; thuê dịch vụ xe ô tô và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, gồm: a) Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh. b) Xe ô tô phục vụ công tác chung. c) Xe ô tô chuyên dùng. d) Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Xe ô tô phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải đối ngoại (ngoài tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước quy định tại Điều 18 Nghị định này) của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Ngoại giao do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc đầu tư, trang bị xe ô tô, đảm bảo hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, quản lý, vận hành xe ô tô; không điều chỉnh theo quy định tại Nghị định này.

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được thực hiện như sau: a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh được áp dụng theo quy định tại Nghị định này. b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, phù hợp với nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Đối tượng áp dụng của Nghị định này, bao gồm:

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc; Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).

Các hội quần chúng có tính chất đặc thù được Nhà nước hỗ trợ xe ô tô theo quy định tại Điều 20 Nghị định này. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính của đơn vị, tổ chức nào thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của mô hình tương ứng quy định tại Nghị định này; nguồn kinh phí để mua xe ô tô do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ 10/11/2023 và thay thế Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

*** Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 62/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.**

Thông tư này sửa đổi, bổ sung Mục 2 Phần II Biểu mức thu phí, lệ phí. Cụ thể, phí cấp thị thực và các giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú cho người nước ngoài như

sau: “2. Cấp thị thực có giá trị nhiều lần: a) Loại có giá trị không quá 90 ngày (thay cho không quá 3 tháng) 50 USD/chiếc; b) Loại có giá trị trên 90 ngày đến 180 ngày (thay cho trên 3 tháng đến 6 tháng) 95 USD/chiếc; c) Loại có giá trị trên 180 ngày đến 01 năm (thay cho trên 6 tháng đến 12 tháng) 135 USD/chiếc; d) Loại có giá trị trên 01 năm đến 02 năm 145 USD/chiếc.”.

Theo Thông tư, tổ chức thu phí là Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Công an, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công an xã, phường, thị trấn.

Tổ chức thu phí được trích lại 25% (thay cho mức 20% theo quy định tại Thông tư số 25/2021/TT-BTC) số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí bao gồm cả các khoản chi hỗ trợ để thực hiện các nội dung sau:

Chi phí đi lại, ăn ở, thuê phiên dịch, canh giữ người nước ngoài bị lưu giữ; chi khám chữa bệnh khi người nước ngoài bị ốm; áp giải người nước ngoài cư trú trái phép, vi phạm pháp luật về nước. Chi sử dụng tiền phí trích lại để hỗ trợ các nội dung chi này khi cơ quan đại diện của nước có công dân vi phạm không chịu kinh phí hoặc không có cơ quan đại diện của nước có công dân vi phạm pháp luật ở Việt Nam.

Trường hợp có công bố dịch bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức thu phí được quyết định chi các nội dung chi nêu trên và các chi phí trực tiếp phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh trong xử lý các trường hợp người nước ngoài vi phạm pháp luật.

Chi tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác quản lý xuất nhập cảnh. Chi ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại phục vụ công tác quản lý xuất nhập cảnh. Chi phục vụ đàm phán, hợp tác đối với đối tác nước ngoài phục vụ công tác cấp thị thực và các giấy tờ liên quan đến xuất nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài.

Bổ sung thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác quản lý xuất nhập cảnh theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (nếu có). Tổ chức thu phí nộp 75% (thay cho mức 80% hiện hành) số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

*** Ngày 02/10/2023, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BKHĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành thống kê.**

Theo Thông tư, chức danh, mã số ngạch công chức chuyên ngành thống kê, bao gồm:

1. Thống kê viên cao cấp - Mã số: 23.261; 2. Thống kê viên chính - Mã số: 23.262; 3. Thống kê viên - Mã số: 23.263; 4. Thống kê viên trung cấp - Mã số: 23.264; 5. Nhân viên thống kê - Mã số: 23.265.

Việc bổ nhiệm và xếp lương vào các ngạch công chức chuyên ngành thống kê quy định tại Thông tư này phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ và nghiệp vụ chuyên

môn đảm nhận của công chức. Khi bổ nhiệm vào các ngạch công chức chuyên ngành thống kê tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc nâng ngạch công chức.

Các ngạch công chức chuyên ngành thống kê quy định tại Thông tư này áp dụng Bảng 2 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2013/NĐ-CP của Chính phủ như sau: 1. Ngạch Thống kê viên cao cấp (mã số 23.261) áp dụng bảng lương công chức loại A3, nhóm 1 (A3.1), từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00; 2. Ngạch Thống kê viên chính (mã số 23.262) áp dụng bảng lương công chức loại A2, nhóm 1 (A2.1), từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78; 3. Ngạch Thống kê viên (mã số 23.263) áp dụng bảng lương công chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98; 4. Ngạch Thống kê viên trung cấp (mã số 23.264) áp dụng bảng lương công chức loại A0, từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89; 5. Ngạch Nhân viên thống kê (mã số 23.265) áp dụng bảng lương công chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

Thông tư nêu rõ, việc chuyển xếp lương đối với công chức từ các ngạch công chức chuyên ngành hiện giữ sang ngạch công chức chuyên ngành thống kê quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Công chức đang giữ ngạch thống kê viên trình độ cao đẳng, áp dụng bảng lương công chức loại A0 kể từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì cơ quan có thẩm quyền xem xét chuyển xếp vào ngạch thống kê viên trung cấp (mới).

Công chức đang giữ ngạch thống kê viên trung cấp áp dụng bảng lương công chức loại B kể từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch thống kê viên trung cấp (mới) thì cơ quan có thẩm quyền xem xét chuyển xếp vào ngạch thống kê viên trung cấp (mới) áp dụng bảng lương công chức loại A0 kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. Trường hợp công chức chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch thống kê viên trung cấp (mới) thì cơ quan có thẩm quyền xem xét chuyển xếp vào ngạch nhân viên thống kê.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2023.

*** Ngày 02/10/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTP hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.**

Thông tư quy định, nội dung tập sự hành nghề công chứng bao gồm: Kỹ năng tiếp nhận, phân loại yêu cầu công chứng; kỹ năng kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của các giấy tờ có trong hồ sơ yêu cầu công chứng; kỹ năng xem xét, nhận dạng chủ thể, năng lực hành vi dân sự của người tham gia ký kết hợp đồng, giao dịch.

Kỹ năng ứng xử với người yêu cầu công chứng, ứng xử theo Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; kỹ năng giải thích cho người yêu cầu công chứng về quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu công chứng, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng; kỹ năng giải thích lý do khi từ chối yêu cầu công chứng; Kỹ năng nghiên cứu và đề xuất hướng

giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng; Kỹ năng soạn thảo hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng; kỹ năng kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của dự thảo hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu công chứng soạn thảo sẵn; kỹ năng xác minh; Kỹ năng công chứng bản dịch; kỹ năng chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản; Kỹ năng soạn thảo lời chứng; Kiểm tra, sắp xếp, phân loại hồ sơ đã được công chứng, chứng thực để đưa vào lưu trữ; Kỹ năng khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng; Kỹ năng quản trị tổ chức hành nghề công chứng; Các kỹ năng và công việc liên quan đến công chứng khác theo sự phân công của công chứng viên hướng dẫn tập sự.

Công chứng viên hướng dẫn tập sự hướng dẫn người tập sự thực hiện các nội dung tập sự quy định trên. Đối với người có thời gian tập sự là 06 tháng, công chứng viên hướng dẫn tập sự xem xét, thống nhất với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về những nội dung tập sự cần tập trung và phân bổ thời gian cho từng nội dung tập sự phù hợp với người tập sự.

Người tập sự được công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Người tập sự có đủ điều kiện tập sự và không thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự; b) Công chứng viên hướng dẫn tập sự đủ điều kiện hướng dẫn tập sự và không thuộc các trường hợp phải thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong quá trình hướng dẫn tập sự; c) Người tập sự hoàn thành thời gian tập sự; có Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự nộp đúng thời hạn, đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư này và biểu mẫu kèm theo; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác của người tập sự.

Người đã được công nhận hoàn thành tập sự mà bị phát hiện không đáp ứng các điều kiện để được công nhận hoàn thành tập sự thì Sở Tư pháp ra quyết định hủy bỏ kết quả tập sự đã được công nhận. Người bị hủy bỏ kết quả tập sự được đăng ký tập sự lại nếu đáp ứng các điều kiện tập sự quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/11/2023.

*** Ngày 18/9/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký ban hành Thông tư số 06/2023/TT-BTP hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp.**

Thông tư này hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp có hoạt động sự nghiệp công trong các lĩnh vực gồm: trợ giúp pháp lý; bồi thường nhà nước; lý lịch tư pháp; công chứng; đấu giá tài sản; đăng ký biện pháp bảo đảm; hỗ trợ pháp luật, tư vấn pháp luật.

Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, lĩnh vực tư pháp trong đơn vị sự nghiệp công lập được xác định trên cơ sở nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ xác định vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, lĩnh vực tư pháp trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.

Theo Thông tư, danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp gồm 16 vị trí việc làm, cụ thể như sau:

Vị trí việc làm Hội đồng quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp, gồm: 1. Chủ tịch Hội đồng quản lý; 2. Thành viên Hội đồng quản lý.

Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý tại đơn vị sự nghiệp công lập ngành, lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp, gồm: 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (Giám đốc hoặc tương đương); 2. Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (Phó Giám đốc hoặc tương đương); 3. Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (Trưởng phòng hoặc tương đương); 4. Phó Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (Phó Trưởng phòng hoặc tương đương); 5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (Giám đốc hoặc tương đương); 6. Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (Phó Giám đốc hoặc tương đương); 7. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục thuộc Bộ (Giám đốc hoặc tương đương); 8. Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục thuộc Bộ (Phó Giám đốc hoặc tương đương); 9. Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục thuộc Bộ (Trưởng phòng hoặc tương đương); 10. Phó Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục thuộc Bộ (Phó Trưởng phòng hoặc tương đương).

Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý tại đơn vị sự nghiệp công lập ngành, lĩnh vực tư pháp thuộc Sở Tư pháp, gồm: 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Giám đốc Trung tâm/Trưởng phòng Công chứng); 2. Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Phó Giám đốc Trung tâm/Phó Trưởng phòng Phòng công chứng); 3. Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Trưởng phòng/Trưởng chi nhánh); 4. Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Phó Trưởng phòng/Phó Trưởng chi nhánh).

Đối với viên chức lãnh đạo, quản lý hiện đang giữ hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì tiếp tục thực hiện cho đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Đối với viên chức hiện đang giữ hạng chức danh nghề nghiệp viên chức cao hơn so với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm quy định tại Thông tư này trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục giữ hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ cho đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/11/2023.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Quốc phòng:

PGS. TS. Lê Hữu Song, phụ trách Giám đốc Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

Đại tá Đỗ Quang Thắm, Phó Chính ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Lắk được bổ nhiệm giữ chức vụ Chính ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Lắk.

Đại tá Trần Tuấn Hùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Bộ Tổng Tham mưu.

Đại tá Phạm Hữu Chiến, Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Lắk được nghỉ chờ hưu theo chế độ.

Thiếu tướng Đỗ Mạnh Vui, Chánh Văn phòng Bộ Tổng Tham mưu được nghỉ hưu theo chế độ.

* Bộ Xây dựng:

Nhà báo Lý Ngọc Thanh, Trưởng ban Ban Biên tập Tạp chí Xây dựng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng biên tập Tạp chí Xây dựng, kể từ ngày 26/9/2023.

* Ban Dân vận Trung ương:

Quyết định số 299-QĐ/BDVTW của Ban Dân vận Trung ương về tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh Phó Vụ trưởng, Thư ký đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Dân vận Trung ương, kể từ ngày 01/10/2023 đối với ông Trần Hồng Việt, Phó Vụ trưởng Vụ Thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế, Ban Tuyên giáo Trung ương.

* Ban Tuyên giáo Trung ương:

Quyết định số 2758-QĐ/BTGTW về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hương Giang, Chuyên viên chính Vụ Thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế, kể từ ngày 15/9/2023.

* Tòa án nhân dân tối cao:

Ông Nguyễn Viết Anh, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, kể từ ngày 01/10/2023.

Ông Trịnh Văn Hùng, Thẩm phán trung cấp, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, kể từ ngày 01/10/2023.

* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Quyết định số 1765/QĐ-NHNN ngày 14/9/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Tùng, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Phú Thọ giữ chức vụ Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Điện Biên.

*** Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương:**

Ông Nguyễn Minh Chung, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối được điều động và phân công giữ chức vụ Chánh Văn phòng Đảng ủy Khối, kể từ ngày 01/10/2023.

Ông Đinh Xuân Tùng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chánh Văn phòng Đảng ủy Khối được điều động, phân công giữ chức vụ Trưởng ban Ban Dân vận Đảng ủy Khối, kể từ ngày 01/10/2023.

Bà Hà Thị Trang, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Ban Dân vận Đảng ủy Khối được điều động, phân công giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối, kể từ ngày 01/10/2023.

*** Công đoàn viên chức Việt Nam:**

Ông Ngô Duy Hiệu, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp tục được Đại hội tín nhiệm bầu giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn viên chức Việt Nam khóa 6, nhiệm kỳ 2023 - 2028.

*** TP. Hải Phòng:**

Quyết định số 7976/QĐ-TLĐ ngày 25/9/2023, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận kết quả bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động TP. Hải Phòng khóa XIV, nhiệm kỳ 2018 - 2023 đối với bà Lê Thị Thanh Thủy, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo - Nữ công Liên đoàn Lao động TP. Hải Phòng, kể từ ngày 21/9/2023.

*** Tỉnh Quảng Ninh:**

Ông Nguyễn Văn Túc, Phó Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra tỉnh.

*** Tỉnh Hải Dương:**

Ông Nhữ Hữu Nhuận, Trưởng phòng Phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Y tế, kể từ ngày 01/10/2023.

*** Tỉnh Hưng Yên:**

Quyết định số 916-QĐ/TU ngày 29/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về việc ông Phạm Trường Tam, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh thôi giữ chức Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; được phân công, điều động, luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Ân Thi khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, kể từ ngày 05/10/2023.

Quyết định số 918-QĐ/TU ngày 29/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về việc ông Bùi Huy Cường, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy thôi giữ chức Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy; được phân công, điều động, luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Khoái Châu khóa XXV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, kể từ ngày 05/10/2023.

*** Tỉnh Sơn La:**

Bà Phạm Thị Doan, Giám đốc Sở Công Thương được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, kể từ ngày 02/10/2023.

Ông Nguyễn Văn Bắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường La được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Công Thương, kể từ ngày 02/10/2023.

Ông Lại Như Long, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ, kể từ ngày 02/10/2023.

*** Tỉnh Cao Bằng:**

Bà Nguyễn Ngọc Thụ, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thay ông Vũ Văn Dương, nguyên Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo nghỉ hưu theo chế độ.

*** Tỉnh Nghệ An:**

Ban Thường vụ tỉnh ủy, chuẩn y kết quả bầu ông Nguyễn Thanh Hoài, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Châu giữ chức vụ Bí thư huyện ủy Quỳnh Châu, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Quảng Trị:**

Bà Nguyễn Hải Yến, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, kể từ ngày 02/10/2023.

Ông Nguyễn Phi Cường, Trưởng phòng Phòng Tổ chức đảng - đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, kể từ ngày 02/10/2023.

Ông Nguyễn Xuân Hoàng, chuyên viên chính Vụ Phát triển hạ tầng và đô thị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Thư ký Bí thư Tỉnh ủy, kể từ ngày 02/10/2023.

*** Tỉnh Quảng Ngãi:**

Ông Võ Minh Vương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TX. Đức Phổ được luân chuyển, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, kể từ ngày 02/10/2023.

*** Tỉnh Kon Tum:**

Bà Phạm Thị Đỗ Quyên, Chánh Văn phòng Thanh tra tỉnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra tỉnh, kể từ ngày 02/10/2023.

Ông Nguyễn Văn Nam, Phó Chi Cục trưởng phụ trách Chi cục Kiểm lâm được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi Cục trưởng Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum, kể từ ngày 02/10/2023.

*** Tỉnh Đắk Nông:**

Ông Hoàng Văn Nghĩa, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đắk Nông được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kể từ ngày 01/10/2023.

Ông Khương Thanh Long được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Ban Quản lý Vườn quốc gia Tà Đùng, kể từ ngày 29/9/2023.

*** Tỉnh Hậu Giang:**

Ông Nguyễn Thành Kế, Trưởng phòng Phòng Nội chính Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

*** Tỉnh Tây Ninh:**

Bà Nguyễn Thị Thu Vân, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp - Quy hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, kể từ ngày 01/10/2023.

Ông Vũ Gia Phương, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tân Biên được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Y tế, kể từ ngày 01/10/2023.

*** Tỉnh Bạc Liêu:**

Ông Tô Thành Phương, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh.

Nguồn: baohinhphu.vn